NĂM THỨ TƯ — Số 141 Thứ năm 4 Mai 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Lý-thường-Kiệt — *Nguyễn-văn-Tố*
* Tùy hứng — *Nữ-sĩ Ngân-Giang — Bà Vân-Đài*
* Đã viết « Sử » sao còn chưa biết những lối đặt tên của người minh ? — *Trãi-Quan*
* Đời văn-học của Lê-Thanh (1913-1944) — *Hoa-Bằng*
* Đại-nam dật-sự (XXIX) — *Ứng-Hòe*
* Vấn-đề đọc sách ngày nay (hết) — *Hiệp-sơn Tu-Sĩ*
* Lại một bài thơ của Đồ Chiểu — *Lê-thọ-Xuân*
* Những ông nghè triều Lê (LXXX) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Văn học Việt-nam hiện đại (1900-1940) (III) — *Lê-Thanh*
* Nam đàn bát châu thi thảo (XXIII) — *Tùng-Vân*
* Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết XXIII) — *Chu-Thiên*

0 $ 40

Lý-thường-Kiệt

(*Bài nối*)

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Còn Tôn-Đản bị tiến vây châu Ung và tri-châu là Tô-Đam đóng chặt cửa thành cố giữ quan ta đánh mãi, hơn bốn mươi ngày không lạ rồi. Quan quân đắp đất lên vào thành để lên nên thành bị hãm. Tô Đam bắt gia-thuộc 36 người chết trước, chôn xác vào một hố, xong rồi lấy lửa tự đốt: người trong thành cảm lòng trung nghĩa của Tô Đam, không một người nào chịu hàng. Quan quân ta giết hết dân ấy đến hơn năm vạn tám nghìn người, cả những người chết ở châu Khâm châu Liêm, kể có mấy chục vạn. Lý-thường-Kiệt bắt sống người ba châu đem về. Sau khi Tô-Đam chết, việc đến tai vua Tống, ban chiếu truy tặng Tô-Đam chức Phụng-quốc tiết-độ sứ, tên thụy là Trung-dũng, cho mười thửa ruộng thượng-điền ở khu thứ nhất trong kinh thành, thân thuộc được bảy người làm quan, cho con là Nguyên làm chức Cấp môn chi hậu (*Khâm-định Việt-sử*, q. 3, tờ 37 a-b, và *Đại-Việt sử ký*, bản-kỷ, q. 3, tờ 14b).

Sử-thần Ngô-thời-Sĩ có bàn rằng: « Nước ta với nước Tàu giao binh nhiều lần, từ nhà Tiền-Lý về trước (541 sau T.-C.) khi được khi thua không nhất định, lại là việc cũ đã qua rồi. Kể từ khi Ngô-tiên-Chúa (939-944) được ở Bạch-đằng, Lê-đại-hành (980-1005) thắng ở Lạng-sơn, Trần nhân tông (1278-1293) đánh được Toa-đô, bắt sống Ô-mã nhi, Thoát-hoan phải chạy chốn, đều là làm nhụt cái sức mạnh của giặc trong khi hoành-hành, thêm oai cái thế nước khó xâm phạm, thật là những việc hay của nước ta; nhưng đều là giặc đến nước, bất-đắc-dĩ mà phải đối địch, cái tình-hình quân mệt-nhọc với quân thong thả có khác nhau, thì cái thế bên chủ và bên khách cũng không giống nhau. Ôi! ra trận đường đường, ngọn cờ chính-đáng, mười vạn quân hoành-hành, đi sâu vào nơi đất khách, phá dân-chúng ba châu như bẻ củi khô, ở trong cõi thì không ai dám đấu mũi nhọn, đem quân về cũng chẳng có bọn nào theo sau: dụng binh như thế, chẳng phải là một việc ít có của nước ta ư? Cho nên tôi bảo trận đánh Ung, Liêm này, là vũ-công thứ nhất từ xưa đến nay. Lý-thường-Kiệt xuất thân là một người hoạn-thị, mà lập được kỳ-công như thế, người Tống bồ tiện nhiều lắm...» (*Đại Việt sử ký* bản kỷ, q. 3, tờ 15 a-b).

Về việc này phong-dao ta có câu: « Nực cười châu-chấu chống xe, tưởng là chấu ngã ai dè xe nghiêng ». Châu-chấu ví nước ta bé nhỏ thì chống nổi thế nào được với Tàu to-lớn như cái xe? Thế mà Lý-thường-Kiệt hai lần đánh được quân Tàu, tiếng nổi xưa nay, cho nên người trong nước bấy giờ đặt câu ca-dao ấy để kỷ công Lý-thường-Kiệt. *Ngự-chế việt-sử tổng vịnh* (q. 7, tờ 6 a) của vua Tự-đức cũng có câu rằng: « Lý-thường-Kiệt nhiều mưu-lược, có tài tướng-súy, hai lần đánh được quân Tống, thanh thế lẫy lừng, xưa nay truyền tụng là vũ công thứ nhất ».

Tháng 3 năm bính-thìn (1076) là năm thứ 9 hiệu Hy-ninh đời Tống Thần-tông, bên Tàu sai Quách-Quỳ làm Chiêu-thảo-sứ, Triệu Tiết làm phó, hợp với quân Chiêm-thành và Chân lạp sang xâm lấn nước ta. (Sử Tàu như quyển *Tống-sử*, q. 15, tờ 6 b, và *Thông-giám cương-mục*, tục biên, q. 7, tờ 8 a, đều chép việc này về tháng 2 năm bính-thìn.)

Nguyên lúc bấy giờ Vương-an-Thạch nghe châu Khâm châu Liêm bị hãm, đã lo, lại nhận được tờ lộ-bố của nước ta kể tội nhà Tống làm phép thanh miêu nguyên năm thứ 2 hiệu Hy-ninh nhà Tống (1069), Vương-an-Thạch đặt ra phép « thanh-miêu », quan xuất tiền cho dân vay, đến mùa nộp lãi hai phân, tháng giêng xuất tiền cho vay thì mùa hạ thu lấy lúa; tháng năm xuất tiền cho vay thì mùa thu thu lấy lúa, gọi là tiền thanh-miêu. (*Thông-giám cương-mục*, tục biên, q. 6, tờ 7 b.) Thế là làm cho sinh-dân cùng-khổ. Nước ta dấy quân, muốn cứu vớt. An-Thạch càng tức giận, bèn cho Thiên-chương-các Đãi-chế là Triệu Tiết làm chiêu-thảo-sứ đem quân

sang đánh. Triệu-Tiết nói rằng: Quách-Quỳ quen việc biên-cương, xin cử làm chánh-sứ mà mình làm phó. Vua Tống y theo lời nói sai bọn Quách-Quỳ đem 9 tướng-quân, họp với quân chiêm-thành và Châu-lạp sang xâm lấn. Vua Lý Nhân-tông (1072-1127) sai Lý-thường-Kiệt đem quân đón đánh ở sông Như Nguyệt, quân Tàu thua to, người Tống chết hơn nghìn người, bèn đem quân lui về (*Đại-Việt sử-ký*, bản-kỷ, q. 3 tờ 16 a-b, và *Khâm-định Việt-sử*, q. 3, tờ 38 a-b).

Đến tháng 12 năm ấy (1076) bọn Quách-Quỳ lại đem quân từ phía tây vào thẳng sông Phú-lương (Nhị hà) Quan quân ta đem thuyền đón đánh, quân Tống không sang đò được, bèn đẵn cây làm khí-giới, ném đá như mưa, thuyền quân ta đều hư-hỏng, quan quân ta bị đánh úp chết mất hơn nghìn người Vua Lý sai sứ đến của quân nhà Tống xin nộp lễ cống-khoản để cầu hoãn binh. Nhân người Tống đi vào đất lam-chướng, sĩ tốt tám vạn người, chết mất quá nửa, lại đóng đồn lũy ở bờ sông, không qua sông được bèn y theo lời xin hòa khi lui quân lại cướp lấy mấy châu huyện, Quảng-nguyên, Tự-lang, Tô, Mậu và Quang-lang, rồi mới về (*Khâm-định Việt-sử*, q. 3, tờ 38b và 39 a).

Sử Tàu *Thông-giám cương-mục* (q. 7, tờ 8 a) chép: tháng 2 năm bính-thìn Quách-Quỳ làm An-nam chiêu-thảo-sứ. — Vương An-Thạch nghe Khâm, Liêm bị hãm, không vui, lại được tờ lộ-bố của người Giao-chỉ, nói Trung-quốc làm phép thanh-miễn, « thế là làm cùng khốn sinh-dân, nay dẫy quân

Thống chế Pétain đã nói:

Sự cần-lao rất cần thiết vì tạo hóa đã có một định luật nghiêm khắc rằng: người ta không thể có được một vật gì mà không phải chịu khổ nhọc. Luật cần lao ấy đã diễn đạt một cách khắc nghiệt trong lời, nguyền rủa của đấng thượng đế: « người sẽ đổ mồ hôi trán mới có cơm ăn ».

đề cứu với ». An-Thạch giận lắm, cho Thiên-chương-các Đãi chế là Triệu-Tiết làm Chiêu-thảo-sứ, Hoạn-giả là Gia-châu Phòng — Ngự sử là Lý-Hiến làm phó-sứ, đem quân sang đánh Lý-Hiến ở lâu biên giới tây bắc, hay bàn việc quân, khi Vương-thiều-Chí mở Nhiệt-hà, Hiến dự có công khó nhọc, cho nên dùng; nhưng Tiết với Hiến nói chuyện không hợp Vua Đường hỏi Tiết: « Ai có thể thay Hiến? », Tiết tâu Quách-Quỳ là người lão luyện việc biên cương, xin cho làm chánh-sứ mà mình làm phó. Vua Tống y theo lời nói, xuống chiếu cho Chiêm-thành và Châu-lạp họp quân đi đánh Giao-chỉ.

« Tháng 12, đánh được quân Giao-chỉ ở sông Phú-lương, Lý Càn-Đức (tức Nhân-tông) xin hàng. Quách-Quỳ đóng quân ở Tràng-sa, trước sai tướng lại đi đường Ung, Liêm; Quỳ tự làm tướng đi từ phía tây vào, đến sông Phú lương, người Man (Tàu chép chuyện ta, nên chép như thế) đem tinh-binh cưỡi thuyền đón đánh, quan quân (Tàu) không sang đò được, Triệu-Tiết mới sai tướng lại đẵn gỗ làm khí chiến-cụ, ném đá như mưa, thuyền Man đều hỏng nát, nhân đó phục binh đánh úp, chém được vài nghìn người Man, giết được Ngụy Thái-tử là Hồng-chân (Sử Nam ta không thấy chép có Thái-tử nào và ai là Hồng-chân bị bắt hay bị giết). Lý Càn-Đức sợ, sai người đến cửa quân xin hàng, quan quân (Tàu) tám vạn người, bị khí lam-chướng chết quá nửa, Quỳ cho là từ sông Phú-lương cách nước Tàu không xa, bèn không sang đò nữa, lấy được châu Quảng-nguyên, châu Tự-lang, châu Tô mậu (sử ta chép là hai châu, sử Tàu chép là một) và huyện Quang lăng rồi về. Quần thần lạy mừng, ban chiếu đổi châu Quảng-nguyên làm châu Thuận, tha tội Càn Đức, trị Lưu-Di, Tiền-Khởi về tội sinh sự ở biên-cương, bắt yên-trí các châu » (*Thông giám cương mục*) q 7, tờ 8 b).

Cứ như thế, rõ ràng là vua Tống sai bọn Quách-Quỳ sang nước ta từ tháng 2 năm bính thìn, đến tháng 12 Quách Quỳ đến Phú-lương, lấy các châu Quảng nguyên còn Triệu-Tiết là phó-sứ của Quách-Quỳ, cùng với Quách Quỳ cùng là một việc Thế mà *Đại-việt sử-ký toàn-thư* (q 3 tờ 9 a) chép Quách-Quỳ và Triệu-Tiết lấy châu Quảng-nguyên vào tháng 3 năm bính-thìn; đến tháng 12 năm đinh tỵ lại chép: Triệu-Tiết sang xâm lấn, không được đem quân về. Thế là đem việc tháng 12 năm bính-thìn làm năm đinh-tỵ: một việc lại chép làm hai, nhưng không phải đúng phép chủ-quan ».

Năm (1078 vua Lý sai Đào-Nguyên đem năm con thuần tượng

(voi đã cưỡi quen) đưa sang nhà Tống, dâng biểu xin giả lại những châu huyện bị mất và những dân bị cướp, vua Tống không cho, giao hẹn bên ta phải giả lại người ba châu Khâm, Liêm, Ung, thì mới bằng lòng. Đến năm 1079 nước ta đưa giả những người ba châu về Tàu, nhà Tống giả lại châu Quảng nguyên và các châu huyện. Chỗ đất Quảng-nguyên nhiều vàng, cho nên người Tàu bấy giờ có câu thơ « Nhân tham Giao-chỉ tượng, khước thất Quảng-nguyên kim », « vì tham voi Giao-chỉ nên mất vàng Quảng-nguyên » (Lược theo *Khâm định Việt-sử*, q 3, tờ 40 b đến 42 b, vì đoạn này không liên-can đến chuyện Lý-thường-Kiệt nên chép qua cho có đầu đuôi).

Đến năm tân-tỵ (1101) là năm thứ 1 hiệu Long-phù, vua Lý Nhân-tông thăng Lý-thường-Kiệt kiêm chức nội-thị phán-thủ đô-áp-nha, hành-điện nội ngoại đô-tri-sự (*Khâm-định việt-sử*, q. 4, tờ 3 a, dẫn Lê-quý-Đôn *Kiến-văn-lục*, chú-thích rằng: Hành-điện nội-ngoại đô-tri-sự là đại-thần trọng chức, còn chức phán-thủ Đô-áp-nha thì chưa rõ).

Tháng mười năm sau (1103), người châu Diễn là Lý-Giác làm phản.

Vua Lý Nhân-tông hỏi: « ai là tướng giỏi đi đánh? » Quần thần đều cử Lý-thường-Kiệt, Vua nói: « Lý-Giác là tên giặc kiệt-hiệt, nên chọn người nào mạnh khoẻ mới đương được, Thường-Kiệt ở chốn nhung-trướng đã lâu, nay già rồi, lại giao cho việc quân, không phải cái bản-tâm của Trẫm đãi bậc lão-thần. » Thường-Kiệt cúi đầu tâu rằng: « Thần năm trước chưa quen tướng-lược, dẹp Chiêm đánh Tống, may mà thành công, ấy đều là oai-linh của Bệ-hạ và các tướng-thần cố sức giúp, nay đội ơn vua, ngôi cao lộc nhiều như thế, nếu ngồi trông giặc Lý-Giác kiêu-hãnh, thì thần chết không nhắm được mắt ». Tâu rồi, xin đi, vua khen là mạnh mà y cho. Quân đến Diễn-châu, đánh được, Lý-Giác thua to chạy vào chiêm-thành, dư-đảng yên hết (*Khâm-định Việt sử*, q. 4, tờ 3 b và 4 a).

Lý-Giác chốn vào Chiêm-thành, nói rõ tình-hình hư thực trong nước, chúa Chiêm là Chế-ma-na (Jaya Indravarman II) tin theo, cất quân vào ăn cướp, chiếm giữ 3 châu Lâm-bình, Bố-chánh và Minh-linh (Quảng-trị Quảng-bình bây giờ) là những châu Chế-củ (Rudravarman III) dâng vua Lý năm 1069.

Tháng hai năm sau (1104) vua Lý lại sai Lý thường-Kiệt đi đánh Chiêm-thành quân Chiêm bị thua, chúa Chiêm lại giả lại đất 3 châu mới xâm chiếm (*Khâm-định Việt-sử*, q. 4, tờ 4 b và 5 a).

Tháng sáu năm thứ 5 hiệu Long-phù (1105) Lý-thường-Kiệt mất, vua Lý Nhân-tông ban chiếu truy tặng chức nhập-nội đô-tri kiêm-hiệu-thái-úy bình-chương quân-quốc trọng sự, tước Việt-quốc-công, được thực ấp vạn bộ (nghĩa là được, thu thuế muôn nhà, cũng như bây giờ có lương hưu hoặc tiền tử-tuất).

Em là Lý thường-Hiền được phong tước hầu.

Các sử thần đều khen Lý-thường-Kiệt là người có tài tướng-súy, tinh về thao-lược, từ khi sung chức Hoàng-môn chi-hậu đến khi được phong thái-úy, thờ ba triều vua, đánh Tống dẹp Chiêm, công-danh trọng vọng, được vua yêu không ai bằng.

Sau khi mất, dân bản-phương (Thái hòa) thờ làm thần, được các triều vua đời sau phong-tặng. (*Khâm-định Việt-sử*, q. 4, tờ 5 a và *Lịch triều hiến chương*, A2124, q.4, tờ 2 a-b).

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khóc bạn Lê-Thanh

I

Đường trần ngán nhỉ duyên văn-tự !
Cuộc thế thôi rồi nợ núi sông !
Lạnh-lẽo đồng hoang, mồ một nấm,
Hoa thơm, thắp một nén hương lòng !

Nữ-sĩ NGÂN-GIANG

II

Kiếp sống trăm năm chung mộng ảo
Tóc xanh sớm vội bạc đầu ai
Chí to, phận mỏng. Trời ! ai oán
Bút tủi, hồn mê. Ngán ! cảm hoài
Hữu hạn gió mưa thương vận mệnh
Vô duyên non nước khóc anh tài
Ba mươi ba tuổi đời không trẻ
Sự nghiệp nghìn thu vẫn sống dai

Bà VÂN-ĐÀI

Trung ngôn

Bả viết « Sử », sao còn chưa biết những lối đặt tên của người mình ?

Trước khi vào bài, Trái Quan hãy làm cái việc tự bạc đã:

Trong bài của Trái-Quan ở kỳ trước (T. T. số 140) có mấy « lỗi in »:

Trang 8, cột 1, giòng 2, 3: *Việt Hoa thông sử* sử lược, chứ không phải sử cương.

Trang 8, cột 2, giòng 24, 25: xin đọc là « Quỉ môn-quan ở cách *huyện Bắc lưu* 30 dặm về phía nam. »

***

Vẫn cuốn « Sử » ấy, trang 150, biên-soạn-giả và san-nhuận-giả chua rằng: «...đời Trần Anh Tông Chi thi (in lầm là *thi*) đình... nhà vua thấy Chi xấu-xí... Chi làm bài phú Ngọc tỉnh-liên...»

— « Chi » là chi ?

— Tên ông trạng nguyên họ Mạc đời Trần, theo hai nhà biên-soạn-giả và san-nhuận-giả trong cuốn *V.H.T.S.* sử lược đó!

Thưa, không phải ạ! Khi nói về Mạc-Đĩnh-Chi, không thể nói trơn một chữ « Chi » mà cho là tên ông ấy được.

Vì, thực ra, tên ông ấy là Đĩnh kia, mà « Chi » chỉ là tiếng... đệm.

Theo lối thường, người ta vẫn hay đặt chữ đệm trên chữ tên; nhưng, theo biến-lệ, người ta lại đặt chữ tên trên chữ đệm để trêu chọc những nhà « sử học » đời sau! Ấy, văn tự có nhiều cái « oái-oăm » là thế! Mà sử học có nhiều nỗi khó khăn là thế!

Một họ kia, cứ ông tổ tên là « Quán Chi » (lấy chữ trong *Luận ngữ*: ... Nhất dĩ *quán chi*) Suốt họ ấy, mấy đời nay, vẫn kiêng chữ « Quán », chứ không kiêng chữ « Chi » bao giờ, vì người ta biết rằng « Chi » chỉ là tiếng đệm.

Mạc Đĩnh-Chi cũng ở vào trường hợp ấy. Vậy bây giờ, khi viết về tên của tác-giả bài « *Ngọc tỉnh liên* phú » thì phải viết là Đĩnh hoặc Đĩnh Chi, chứ không thể viết là « Chi » được.

Tại sao Trái Quan dám nói quả-quyết như vậy, là vì phải căn cứ vào những lý-cớ này:

1) « Chi » chỉ là một tiếng hư tự trong hán văn. Khi nó là tiếng « ngữ mạt trợ từ » thì bao giờ cũng phải theo sau một tiếng thực tự đứng trên như « đĩnh », như « quán » đó thì mới có nghĩa. Chỉ vì chữ « chi » đã không tự đủ nghĩa khi đứng một mình, mà nó lại không có nghĩa gì là hay ho, nên khi đã đặt tên bằng hữ nhô thì không ai chịu đặt là « Chi » cả, trừ ra người ta dùng nó làm chữ đệm.

2) Cổ-nhân đặt tự bao giờ cũng phải tìm lựa lấy chữ có nghĩa chiếu-ứng với tên. Vì ông họ Mạc ấy tên là Đĩnh, nên mới đặt tự là Thiết phu. Đó là lấy chữ trong *Đường thư Đỗ-phủ truyện luận*: « ... *đĩnh tiết* vô sở ô » (nghĩa là giữ vững tiết tháo, không chịu núng, chịu khuất).

Cái lối đặt chữ đệm ở dưới chữ tên ấy, hiện nay ở ta, trong những nhà tinh thông hán văn, hãy còn dùng đến. Mà ngay ở Tàu ngày nay cũng vẫn thường thấy. Một ví dụ: hai anh em nhà họ Tưởng kia, một người tên là *Kính Quốc*, một người tên là *Vĩ Quốc*. Nếu ta nhận là « hữ « Quốc » là tên của họ mà kêu « Quốc ơi! » thì các chú ấy tất bật cười rồi la lớn: « Cái ông không biết lối đặt tên lớ lớ »

***

Cũng vẫn cuốn « Sử » ấy và ấn chỗ chú giải ở trang 150 ấy, nhà biên-soạn-giả và nhà san-nhuận-giả chép rằng: « Mạc biển Tích đỗ Văn-học thủ-tuyển. »

Có lẽ hai nhà sử học của chúng ta cho rằng đỗ « Văn-học thủ-tuyển » cũng như đỗ Trạng-nguyên, đỗ Tiến sĩ chăng?

Nhưng, theo ngu kiến, thì không thể gọi là « đỗ Văn-học-thủ-tuyển » được, vì *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, q. 3, tờ 45 có chép về việc ấy rằng: « Thi những kẻ sĩ có văn-học trong thiên-hạ, ai trúng thì được sung bổ. Mạc Hiển-Tích được lựa lấy đầu, bổ Hàn lâm học sĩ. »

Như vậy « văn học » không phải là một khoa danh, mà « thủ-tuyển » chỉ có nghĩa là « được lựa lấy đầu. »

TRÁI QUAN

ĐỜI VĂN-HỌC CỦA LÊ-THANH (1913-1944)

Dưới đây là bài điếu văn của Hoa-Bằng đọc hôm 27 Avril 1944 nói về văn-nghiệp của bạn Lê-Thanh

Sau khi theo sát một chiếc xe tang đi từ bình-viện phố Gambetta đến phúc trang Hợp-thiện là chỗ ở cuối-cùng của người bạn thân chúng tôi đây, và giữa những tiếng khóc than thảm não của tang gia dưới một bầu trời ảm-đạm này, tôi biết nói gì bây giờ!

Mặc dầu chúng tôi « bất văn » đến đâu, nhưng đối với một người bạn thân trong giờ phút thiêng-liêng quá cảm động, quá đau đớn này, bổn phận buộc chúng tôi phải cố tỏ đôi lời ai điếu với bao thương tiếc ngậm ngùi.

Bạn Lê Thanh, chính tên là Nguyễn văn-Thanh, sở dĩ từ các tác phẩm đến các bài báo, không lấy chữ đệm là « Văn » mà thường ký chữ « Lê » trước chữ « Thanh » là vì « Lê » là họ của bà thân mẫu, nên bạn tôi muốn tỏ ra rằng bao giờ cũng nhớ công lao của nước trong nguồn ngàng với núi Thái-sơn vời vợi.

Nguyễn quân tên tự là Khiết-phủ, sinh ngày mồng 8 tháng giêng năm qui-sửu (1913) quán làng Cam-đà, huyện Tùng-thiện, tỉnh Sơn-tây.

Hồi năm ngoái, nhân dịp lên Cam-đà điếu tang ông thân-sinh Nguyễn-quân, nhìn những khoảng đồi xác cây căn, những gạch ong đất đỏ, tôi có nói riêng với bạn Trúc Khê: « Có lẽ sự chung đúc nên ngòi bút của Lê-Thanh là do địa linh ở đâu đâu, chứ miền này cảnh-trí không có gì là đặc sắc cả. »

Quả thế, Nguyễn-quân, từ nhỏ, đã di cư và lớn lên ở bên Lào, đã từng ngắm những con sông cả nước và qua những khu rừng rậm-rạp ở Ai-lao.

Từ năm 1935, Nguyễn-quân bắt đầu bước chân vào làng văn làng báo, viết những bài phê-bình có giá-trị trên tờ *Tin văn* là tờ tuần báo chuyên về văn chương như tên nó đã mang đó.

Ban đầu, Nguyễn-quân, cũng như trăm nghìn bạn thanh-niên khác, không ít được những bồng-bột của cái tuổi 24, 25, nên đã cho ra những tập tiểu-thuyết như *Ly-dị* và *Nắm mồ thanh-niên* đó.

Rồi từ đấy, Nguyễn quân, tiến theo thời gian, và tư tưởng cũng biến thiên theo duyệt lịch, có ý quay về con đường phê bình, nên năm 1939 Nguyễn-quân cho ra cuốn *Thi-sĩ Tản-Đà* là một tác-phẩm đã được trong làng văn suốt ba kỳ chú ý đến.

Tôi xin đọc cử một đoạn văn chưa in của Nguyễn-quân khi phê bình về Hồ xuân Hương để các ngài định chân giá trị cho ngòi bút của tác giả: « *Có một điều chắc-chắn—theo văn-chương—nàng là một người có cái số phận hẩm hiu, tình duyên trắc-trở, nàng đã lấy lẽ tổng Cóc, lấy lẽ ông phủ Vĩnh-tường, giao-thiệp với Phạm-đình-Hồ, tức Chiêu-Hổ. Vì vậy nên mỗi khi thốt ra một lời là có cái giọng chua chát. Nàng cho là tình đã trêu cợt nàng, nàng trêu cợt lại tình.*

« Vì trong thơ nàng có « quỉ » nên nàng là mối bất bình cho cả cái thế hệ nhà văn đồng thời với nàng và là mối ngạc nhiên cho tất cả những thế hệ văn học về sau. Nhưng cũng vì có cái « quỉ » ấy mà thơ của nàng được phổ thông không những ở trong đám bình dân chất phác—thơ của nàng cũng chất-phác ngây thơ — mà cả trong đám thượng lưu xã hội.

Ngày nhà thơ Tản-Đà vẫn công-phẫn (*hai chữ « công-phẫn » này, tôi tưởng nên sửa lại là « bất mãn » thì hơn*) *nói: « trong thơ có quỉ » nhưng vẫn đọc và chịu ảnh hưởng* ».

Năm 1937-38, Nguyễn-quân giữ tòa soạn báo *Phụ Nữ* ở ngõ Hội-vũ, trong khi vừa làm công chức « *sớm vác ô đi, tối vác về.* »

Hồi tháng sáu 1941, tạp chí Tri-Tân ra đời, qua tháng tám năm ấy Nguyễn-quân cộng tác với chúng tôi về bài vở. Những lúc gặp gỡ các bạn văn, Nguyễn-quân thường có nhiều điều kiến nghị và luận.

văn rất xác-đáng. Những bài ký dưới hai chữ « Lê-Thanh » hoặc « Khiết phủ » đăng trong Tri-Tân, học lực và văn tài của tác-giả thế nào, tưởng nhiều bạn gần xa cũng đã biết rõ.

Trong mấy năm gần đây, Nguyễn quân rất hoạt động về văn-học. Nhất là từ năm ngoái đến giờ, bạn tôi đã lần lượt cho ra mắt các độc-giả được những tác-phẩm như *Tú-Mỡ*, *Trương vĩnh Ký*, *Cuộc phỏng vấn các nhà văn*.

Công cuộc phỏng vấn này, tôi cho là một việc rất cần kíp. Vì làng văn ta khác với nhiều nước khác : Phần đông nhà văn ta đây đều nhờ công tự tu mà tiến lên cả, nên ít khi có thể tìm giấy tờ ở các trường học mà biết được lý-lịch của từng nhà văn, nếu một khi cần đến.

Mà nhất là muốn tìm biết đến thủ-tục làm thành một bộ sách có giá-trị của ai lại càng trăm khó nghìn khó.

Nếu không có người làm những cuộc phỏng vấn, thâu nhặt tài liệu quan-hệ đến văn học như Nguyễn-quân đã làm ấy, tôi tưởng nhà viết văn học sử sau này chắc sẽ gặp phải biết bao hòn đá chặn đường !

Theo đuổi công việc làm cho văn học Việt nam ấy, Nguyễn-quân, cứ đến cuối mỗi năm, trên tờ *Tri-Tân*, thường có một bài « Tính sổ Văn-học ». Đó là một ý cung tài liệu cho việc làm văn học sử tương-lai.

Những tài liệu về văn học đó, Nguyễn quân có ý dìn dần đem ra vấn thế, nên đã giao cho một nhà xuất bản ở Hanoi cuốn « *Văn học Việt-nam năm 1943* » và đang đăng ở *Tri-Tân* thiên « Việt-nam văn học hiện đại » (từ 1900 đến 1940).

Từ năm ngoái (1943), Nguyễn quân lại viết giúp tờ *Tin Lào* bên Ai-lao.

Một nhà công chức vừa tòng sự vừa biết lợi dụng từng giờ rảnh mà làm việc cho văn học như thế tưởng cũng ít có.

Nhưng cũng vì bạn tôi tận tụy với ngòi bút, làm việc quá sức, con vi-trùng Kock kia mới thừa hư mà tác hại được cái thân linh giỏng cao, bộ ngực lép-kẹp và da-dẻ thường xanh đỏ.

Than ôi ! Tôi quên làm sao được : cách đây độ nửa tháng, bạn Lê-Thanh chính tay cầm tập bài đến nhà riêng tôi, trao cho tôi mà dặn rằng : « Bài này chỉ có một bản. Xin bác giữ bản cảo cho. » Ôi, tôi không ngờ thiên « Việt nam văn học hiện đại » đang đăng trên *Tri-Tân* kia lại là thiên tuyệt bút và là di mặc của Nguyễn quân, mà ngày 20-4-44 tôi vào thăm Nguyễn quân ở bịnh-viện phố Gambetta đó lại là ngày nhìn bạn cuối cùng.

Than ôi ! Tôi quên sao được : một đêm trời đông lạnh lẽo, ánh đèn mù mờ, Nguyễn quân dựng trên hiên nhà gác, tôi đứng trên lề đường trước số 9, phố Nhà-hờ, đôi ta cùng tha-thiết, hồi hồi, tích biệt, sau những phút cách ngỡ mà nói chuyện về văn chương. Đó chỉ là một trong biết bao kỷ niệm bất diệt giữa tôi và bạn.

Nay, thương ôi ! Bạn Lê Thanh, mới 32 tuổi, hồi 1 giờ sáng 26 tháng tư 1944, đã vội dứt tình ra đi, bỏ lại đằng sau bao việc cần làm cho văn học Đại-Việt.

Xưa cụ Yên-đỗ, khóc cụ Dương-Khuê có câu :

« Rượu ngon không có bạn hiền,
« Không mua không phải kh ông tiền không mua ! »

Cỗ nhân uống vì vui bạn ; vắng bạn thì không muốn uống.

Còn chúng tôi nay biết nói sao đây ? Chúng tôi mong, với nỗ lực, với thốn tiến, cố theo đòi với các bạn làng văn, gom công góp sức vào việc văn học nước nhà trong muôn một, để gọi là khỏi phụ lòng bạn bấy lâu vẫn trạch vọng vào tôi.

Thương ôi ! Bạn Lê Thanh ôi !

HOA BANG

Đang in

Làm bếp giỏi

của Bà VÂN-ĐÀI

— Có ngót một nghìn món ăn khác nhau và nhiều thực đơn thay đổi
— Được đặc quyền in bằng giấy tây. Sách in có hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách 6$50 — Cước 1$20

Vì tình thế hiện thời, ông Đinh văn Tuệ không ở Hanoi Thư và mandat nào gửi rồi thì thôi. Còn từ sau bạn nào mua sách, cứ gửi thơ cho :

Bà ĐÀO-THI-MINH
118 Phố Duvillier — Hanoi

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 29

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXII. — Nam-chiếu hãm thành đô-hộ

Kỳ sau tôi sẽ nói về chuyện quân Nam-Chiếu hạ được phủ đô-hộ của nhà Đường, nay hãy chép chuyện một chức đô-hộ là Lý-Hỗ, vì bất-tài, nên Nam-Chiếu quấy-nhiễu sau Cao-Biền sang, mới dẹp nổi. Trước khi chép chuyện, nên nói qua về lý lịch Nam Chiếu như sau này : Tiên-tổ Nam Chiếu vốn là người Ai-lao, tức là giống Thái ở Diêu-châu. *Tây đường địa-lý chí* chép Diêu-châu ở phía đông quận Vân-nam, phía nam giáp Giao chỉ, phía tây giáp Thổ phồn. Tiếng rợ ấy gọi vua là Chiếu. Trước có 6 Chiếu ; Chiếu Mông-xá ở về Cực-nam, nên gọi là Nam chiếu. Đến đời Khai Nguyên (713 741) Nam Chiếu dần dần mạnh, mà 5 Chiếu kia suy yếu. Kiêm nam tiết độ-sứ là Vương-Dực xin hợp 6 chiếu làm một, triều-đình nhà Đường y cho, đặt tên là Quy nghĩa, từ bấy giờ oai phục các rợ khác, phá nước Thổ-phồn, dời đến ở thành Thái-hòa, sau hóa ra một mối lo ở biên-cương. *Đường-thư Nam-chiếu chuyện* chép : « Nam-chiếu từ khi hợp sáu chiếu làm một, truyền đến con Phong-Hựu là Tù-Long, năm 860 xưng đế, đặt tên hiệu là Kiến-gia, gọi nước là Đại-lễ, thường thường vào cướp Giao-châu, sau đến Cao-Biền mới đuổi được (*Khâm định Việt sử*, tiền biên, q. 4 tờ 35 b).

Năm ấy là năm thứ nhất hiệu Hàm-thông (860). Giặc ở Tích-đông bên Tàu là Cừu-phủ làm loạn. Vua Đường cùng đình-thần bàn nhau kén tướng đi đánh, Hạ hầu-Tư tâu rằng : « Vương-Thức là con nhà học-trò trước ở An-nam có công, nên dùng người ấy làm tướng ». Vua Đường với Vương-Thức cho làm Tích đông quân-sát-sứ, cho Lý Hỗ sang thay làm An-nam đô-hộ vào hồi tháng 3 năm ấy (860).

Lý-Hỗ đến nơi, giết tù-trưởng là Đỗ-thủ-Chừng, cho quân dẫng của Chừng dẫn Nam-chiếu ở Vân-nam xuống đánh. Lúc bấy giờ vua Nam-chiếu là Phong-Hựu đã chết như trên kia đã nói, con là Tù-Long nối ngôi, chỉ ham dùng binh nên không năm nào không ra quân, trong nước con giai từ 15 tuổi dở xuống bắt hết ra lính.

Tháng 11 năm ấy (860) (*Khâm-định* và *toàn-thư* chép tháng 12) dân bản-thổ dẫn hơn vạn quân Nam-chiếu (*Đại-Việt sử ký*, tiền-biên, q. 6 tờ 15 a chép : hơn một vạn ; *Việt-kiều-thư*, q. 4, tờ 12 a chép : hơn ba vạn), nhân khi bỏ chống không đánh hãm được phủ thành đô-hộ. Lý-Hỗ cùng Giám-quân chạy về Vũ-châu.

Đến mùa xuân tháng giêng năm thứ hai hiệu Hàm-thông (861) vua Đường xuống chiếu đem quân châu Ung và quân những đạo lân-cận sang cứu Lý Hỗ, đánh Nam-chiếu (*Khâm-định*, tiền biên, q. 4, tờ 39 b và 40 a, *Sử-ký*, tiền biên, q. 6, tờ 15 a, *Toàn-thư*, q. 5, tờ 10 a, *Việt kiều-thư*, q. 4, tờ 11a).

***

Cột đồng Mã-Viện

Ngày 12 tháng 9 năm 1941, tôi có đăng trong *Tri-tân* (số 14, trang 3) một bài đề là *Cột đồng Mã-Viện*, kết luận rằng : sáu chữ « Đồng-trụ triết, Giao-chỉ diệt » Sử ta không nên chép nữa, vì không có chứng-cớ đích-xác.

Tập Bulletin des Amis du Vieux Huế về tháng 10 11 năm 1913, vừa in xong, có đăng một bài chữ Pháp của ông Đào-duy-Anh ở trang 349 360, đề là *Les Colonnes de bronze de Mã Viện*, nói cột đồng của Mã Viện có lẽ ở núi Thành, tức núi Lam-thành, hay núi Đồng trụ, tên chữ là Hùng-sơn, thuộc tỉnh Nghệ-an. Ông cho lời phán đoán của ông gần hợp với lời chép ở *Ngô-lục* và *Tùy-thư*. Nhưng tôi chưa lấy gì làm chắc, vì đã ai đào thấy đồng-tích gì đâu ? Ông nói đến bài của tôi, tuy có lượm nhặt mấy bộ sách cổ, « nhưng vẫn chưa chiếu thêm được ánh-sáng vào vấn-đề ». Song ông cũng theo ý-kiến của tôi, là không nên chép lời thề của Mã-Viện vào Sử ta, vì lời thề ấy là tự-tiện người hiếu kỳ bịa đặt ra, chứ không thật của Mã Viện.

Nhân có bài của ông, tôi đem sách tàu sách ta nói về đồng-trụ, khảo thêm những chỗ chưa nói đến ; vì bài trước tôi chỉ chú-ý nói lời thề của Mã-Viện mà thôi.

Trước hết, tôi cải-chánh chỗ ông Đào-duy-Anh dẫn sách không rõ. Ông nói núi Đồng-trụ ở Nghệ-an, ông không nói núi ấy ở làng Nghĩa-liệt và Phú-điền, huyện Hưng-nguyên (nay là phủ) và không nói núi ấy có một tên nữa là Tuyên nghĩa. Có tục truyền về

núi Thành, thì có lẽ có tục truyện về « Đồng-trụ ». Hiện nay tiếng Nam ta dùng chữ « đồng-trụ » có hai nghĩa: Một nghĩa chép trong tự-vị là cột đồng hoặc cột đồng Mã-Viện, còn một nghĩa nữa là cột xây bằng gạch ở tam quan đình và chùa, các làng Bắc-kỳ đều gọi cột tam-quan ấy là « đồng-trụ » hoặc « cột đồng trụ »; không rõ vùng Thanh Nghệ có giống như thế không. Vậy cần phải biết rõ xem người ở vùng Nghĩa-liệt và Phú-điền gọi đồng-trụ là cột gạch hay cột đồng. *Đại-nam nhất thống-chí* (q. Nghệ an, tờ 44 a và b) chép như sau này: « Hùng sơn ở địa-phận làng Nghĩa-liệt và Phú-điền, thuộc huyện Hưng nguyên (nay là phủ), Xưa gọi là núi Đồng-trụ, có tên là núi Tuyên-nghĩa, có tên là núi Lam thành. Đồng-bằng đột lên một dãy núi cao chót-vót, chạy thẳng tới Lam-giang, giữa đỉnh núi có thành Trương-phụ, trên đỉnh núi có chỗ cắm cờ, tương truyền chỗ ấy là đồng trụ ngày xưa ». (Không nói đồng trụ nào). *Đại nam nhất thống-chí* (q Nghệ an, tờ 14 b) chua chữ Tuyên nghĩa như sau này: « Xưa tướng nhà Minh là Trần Phúc làm quan ở thành ấy. Khi Lê Thái tổ khởi nghĩa từ huyện Đỗ gia (tức huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh) đến đánh, Thái phúc ra trận bị chết. Sau Lê thái-tổ cho là có nghĩa, phong làm Tuyên nghĩa sơn ».

Đến mục cổ-tích (q Nghệ an, tờ 37 a) chua nghĩa chữ thành Trương-phụ là « thành ở trên đỉnh núi Hùng-sơn, cao sáu, bảy thước (2m40 — 2m70), chu vi độ một dặm, tượng-truyền Trương Phụ đời Minh đắp thành ấy. Lại có một đống đất cao độ bốn, năm thước, tương truyền là cột cờ của Trương-Phụ ».

Trong bài của ông Đào duy-Anh ở trang 352, có dẫn *Lĩnh-ngoại đại đáp* nói cột đồng Mã-viện dựng ở Khâm-châu bên Tàu, tôi đở sách ấy, không thấy chép như thế chỉ thấy ở quyển hai, (tờ 10 a, cột 4) về mục *Chiêm thành* có câu. « Chiêm thành Hán Lâm ấp giã, cảnh thượng hữu Mã viện đồng trụ. . . » nghĩa là nước Chiêm-thành là huyện Lâm-ấp đời Hán, trên cõi đất có cột đồng của Mã-Viện. . . »; Như thế là *Lĩnh ngoại đại-đáp* cho cột đồng ở Lâm-ấp, chứ không phải ở Khâm-châu.

Xét mấy quyển sách tàu sách ta, tôi đã dẫn trong bài trước, thì có hai thuyết: một thuyết cho cột đồng ở phía bây Khâm-châu, có núi Phân-mao (tiếng ta gọi là cồ-rẽ) làm giới hạn cho nước Tàu và nước ta Sách tàu như quyển *Dư-địa kỷ thắng*, *Đường thư*, *Thống-chí*, sách ta như *Đại-việt sử ký tiền-biên*, *Đại-việt sử-ký toàn-thư*, *An-nam chí-lược* theo về thuyết ấy Còn một thuyết nói cột đồng ở phía nam Lâm ấp, làm giới-hạn cho nhà Hán với nước Tây-đồ dị, Sách tàu như *Ngô-lục*, *Tùy-thư*, *Thủy kinh chú* *Tư trị Thông-giám*. *Lĩnh biểu lục-dị*, *Lĩnh ngoại đại đáp*, *Thông-điển* và *Thái bình Hoàn vũ*, Sách ta như *Khâm định Việt sử*, *Tiền-biên Dã sử*, *Nghệ-an thi tập* của Phù Tôn-am, *Vân-đài loại-ngữ* của Lê quý-Đôn, cũng theo về thuyết đồng-trụ ở Lâm ấp. Nhưng vì Lâm ấp biệt lập thành nước đến gần 2000 năm, cho nên những tên đất thay đổi, khó xét cho đích-xác: người thì cho là ở Nghệ-an, người thì cho ở Quảng-ngãi, Người thì cho ở Phú-yên, mà vẫn chưa tìm thấy di tích ở đâu.

Duy có quyển *An-nam chí nguyên* và *Đại Thanh nhất thống chí* thì chép cả hai thuyết cột đồng Mã-Viện ở Lâm ấp, cột đồng Mã-Tông ở Khâm-châu. Những Sử tàu và Sử ta đều chép Mã-Tông dựng cột đồng ở chỗ Mã-Viện, thế thì lại càng khó tiêu lắm. Vì rằng: việc đời trước mà người sau chép, hễ qua hai ba người, thì thường có chỗ sai. Xem như *Thái bình Hoàn vũ* kỷ (q. 171, tờ 8 a) chép: « Nhà Hậu-Hán sai Mã-Viện đánh rợ Lâm-ấp .. » xét ra nước Lâm ấp mãi đến năm 137 sau T. C. mới

(Xem tiếp trang 20)

BẠN MUỐN CÓ ĐỦ ẢNH CÁC NHÀ VĂN DANH TIẾNG VIỆT-NAM

Như Đào duy-Anh, Nguyễn-văn-Tố, Trần-trọng Kim, Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Vĩnh, Phan-trần-Chúc, Đào-trinh Nhất, Nguyễn Tuân, Thế-Lữ, Tú-mỡ, Trần-thanh-Mại, Vũ hoàng-Chương, Vũ-trọng-Phụng, Lưu-trọng-Lư, Nguyễn-tất-Tố, Nguyễn-Hồng, Hàn-mặc-Tử, Đông-Hồ, Thiếu-Sơn, Phan-Khôi, Quách-Tấn, Huy Cận, Xuân-Diệu Đoàn-phú-tứ, Trần-tuấn-khải, Hoàng-ngọc-Phách, Tản-Đà, Tam-Lang, Trọng-Lang v.v..

Tất cả 40 ảnh (Khổ 9×12) in trên giấy láng tốt bạn bạn muốn có đủ xin gởi mandat 8$60 cho M Yên-Sơn, Kiosque *Thanh-Tao ở Vinh* (ảnh sẽ gởi theo lối bảo đảm đến bạn cùng 1 lần với 2 quyển *Nhà Văn Hiện đại* của Vũ-ngọc-Phan).

Vấn-đề đọc sách ngày nay

Những độc-giả ngày nay thường đọc người chứ không phải đọc sách

(*Tiếp theo và hết*)

HIỆP-SƠN TU SĨ

Nay, tôi lại xin đan cử ra đây một tác phẩm của một vị khai-khoa thạc-sĩ nước Nam nhà.

Đem một tác-phẩm đầu tiên của ông thạc-sĩ ra để phẩm bình, — mà tác-phẩm lại là tác-phẩm đã được quốc dân hoan nghênh, tán thưởng, phê bình (1); mà người phẩm bình, lại là kẻ vô danh tiểu tốt, — thì thật là một việc điên rồ, nhưng biết đâu, nhời của người điên cũng có chỗ không điên vậy (2).

Quyển « De Hanoi à la Courtine » của ông Phạm-duy-Khiêm — Năm 1941, nhà xuất-bản Lê-Thăng xuất bản quyển « *De Hanoi à la Courtine* » của ông Phạm duy Khiêm. Trong sách, theo thể viết thư, sưu tầm những bức thư của một vị thanh niên Nam-Việt sang tòng chinh bên Pháp.

Văn tài của tác-giả thế nào, tôi không dám bàn ra đây.

Thiên tài của ông, thông minh của ông, khoa-mục của ông, địa-vị của ông đã làm cho ba chữ tên ông nổi dậy, cho nên dân nước ta ai ai cũng nhớ, cũng thuộc, cũng biết. Thế, dủ tỏ dân gian chú ý đến ông, tên sùng ông. kỳ-vọng ở ông những gì.

Quyển sách đầu tiên của ông, sau khi du học về nước là quyển sách này. Quốc dân đua nhau mua đọc, không những để được đọc một thiên văn chương kiệt-tác của một nhà học-giả thiếu niên Nam-Việt, mà lại còn có ý đọc để biết, hòng có dịp khoe-khoang với người ngoại quốc rằng dòng-giống chúng ta cũng là người có thông minh, có trí tuệ, được học cũng có thể nên người, như những giống văn-minh trên hoàn vũ.

Văn-chương của một vị khai-khoa thạc-sĩ tất là tuyệt-diệu, cái đó đã rõ ràng lắm. Tôi không dám thêm lời tán tụng để lại mang tiếng « khen phò mã tốt áo », nhưng thực, thực áo của phò mã quả đẹp, thực văn của ông quả hay, nên độc-giả say mê quá về lời văn sán-lạn, giản dị, ý tứ thâm trầm cao sâu, mà không để ý đến bốn chữ...

Thực, cả quyển sách, chỉ có bốn chữ, — bốn chữ thôi, — làm cho ai là người hay suy nghĩ, đọc lên cũng lấy làm nghẹn ngào mà khổ não, bực tức mà thẹn thùng.

Bốn chữ đó, là bốn chữ « *À un annamite, Indochine* » (cho một người An-Nam ở Đông-Pháp.

Tôi không có vinh hạnh được đi du học bên Pháp, mà cũng không có hân-hạnh được theo học Pháp-văn đầy đủ, nên tôi không dám bàn đến cách hành-văn của ông huyền-diệu thế nào.

Có ông bạn tôi hỏi, giảng cho nghe rằng bảy tác-giả dùng lối văn biền ngẫu, đối với bốn chữ « *à un français, Indochine* » chăng? Tôi chưa dám bảo cho là phải.

Vậy về văn-chương và văn-pháp, tôi xin nói thành thật không đủ tư-cách dám bàn đến, chỉ xin giải bày một vài ý kiến về ý nghĩa bốn chữ đó, mong được các nhà cao tài bác học trong nước chỉ bảo cho những chỗ dị đồng thì thật là vạn hạnh.

Theo ý-kiến hẹp hòi của tôi, bốn chữ « *À un annamite, Indochine* », đọc lên, thấy nghẹn ngào mà khổ não, bực tức mà thẹn thùng thật.

Người ngoại-quốc viết như thế, đã là việc đương nhiên, cũng như ông viết bốn chữ « *à un français, Indochine* » không còn có gì phải nói. Nhưng, ông là người sinh ở Nam-việt, tất là người Việt-nam, dù ông không muốn nhận thì ba chữ tên ông cũng vẫn bắt ông phải nhận.

Đối với ông Phạm-duy-Khiêm, dân nước ai mà không phục tài năng ông, trí-tuệ ông, nhưng cái gì hay thì phục, cái gì không hay thì phẩm bình, như thế mới là thực lòng kính phục ông.

« *Ai nhi tri kỳ ác,*
Tăng nhi tri kỳ thiện »
(*Yêu mà biết chỗ xấu,*
Ghét mà biết chỗ tốt)

Thế mới thật là yêu vậy.

***

Trên tôi đã dẫn 2 quyển sách của hai nhà danh sĩ làm bằng Pháp-văn, nay xin dẫn một quyển của một văn-sĩ làm bằng quốc-văn.

Quyển « Thi-thoại » của ông Văn-Hạc —

Năm 1942, Quốc-học thư-xã xuất bản quyển « Thi-thoại » của ông Văn Hạc. Sách chuyên nói về chuyện thơ, ghi chép những câu văn đắc-ý, những bài thơ thanh tao, kèm thêm ít nhiều nhời bình phẩm.

Ông Văn-Hạc là một nhà văn tiếng tăm lừng lẫy, thế mà trong quyển « Thi-thoại » của ông bên, cũng có chỗ nhầm. Nếu độc-giả xem mà không rõ, cứ tin sách, tất có hại cho nghệ thuật thi-ca của nước Nam nhà.

Chỗ nhầm đó ở trang 22, xin trích ra đây để độc-giả thưởng lãm :

«...Tập Kiều không đáng là việc của thi-gia chân-chính, song đó cũng là một lối chơi văn thú vị, một lối tiêu khiển có ích, chứ không không.

Tôi còn nhớ bốn câu văn tập Kiều để bằng chữ nôm ở hai bên bức hình chụp các ông tân khoa khoa thi Nam kết cục (ất-mão, 1915), xem được ở nhà ông Giải-nguyên (Thủ-khoa) khoa ấy là ông Nguyễn Tảo. Bốn câu văn ấy thế này :

Vinh hoa bõ lúc phong-trần !
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười,
Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Giăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa,

Tôi cho là hay lắm (vẫn nhời ông Văn-Hạc) *câu thứ nhất, nghĩa là sung sướng bõ lúc học hành.—Câu thứ hai nói : đỗ đủ tư cách, đủ phân điểm.— Câu thứ ba nói : văn chương tàn cục, vì là khoa thi rốt. — Câu thứ tư nói: 16 người đỗ, vì khoa rốt cục ấy, có tất cả 16 vị cử nhân tính cả Thủ khoa.. « Hơi mười rằm » tức là 16. »*

Đọc xong trang sách, ta thấy ông Văn-Hạc cho bốn câu tập Kiều đó hay lắm, nên mới ghi vào sách để lưu truyền.

Tôi chắc ông cho là hay,

1· Vì có lẽ ông không biết thế cách văn tập Kiều ;

2· Vì văn Kiều là một áng văn kiệt-tác, nên ông hoảng không dám suy xét gì ;

3· Vì đề vào bức ảnh các vị tân khoa thi Nam, tất phải những bực đại gia văn-tự làm ra, nên ông lại càng sợ mà càng không dám nghĩ gì đến chữ *nhầm* ; cứ thấy, là cho rằng hay.

Mấy lẽ đó đã làm ông Văn Hạc không thấy rõ cái sai, cái dở, cái không đúng ở trên trang sách ông viết.

Cái sai, cái dở, cái không đúng đó không phải tại tác giả bốn câu tập Kiều ấy, chính là tại ông.

Tôi dám chắc, rằng ông chỉ được nghe ai đọc lại và kể chuyện lại, mà đọc và kể sai nhầm chứ thực ông không *xem được*, — như ông viết trong sách, — ở nhà ông Giải-nguyên Nguyễn-Tảo.

Ông nói *xem được* cho có vẻ « thực mục sở thị » để khoe với bà con rằng câu chuyện thực.

Tôi vốn là kẻ tu-sĩ ở xa thành-thị không được hân hạnh và vinh hạnh *xem được* bốn câu tập Kiều ở nhà ông Giải nguyên khoa kết cục, nhưng cứ lấy ý mà xét suy, lấy sách mà khảo cứu, thì tôi thấy rằng bốn câu văn đó, ông Văn-Hạc chép sai, và những lời dẫn bàn để tăng thêm câu chuyện đó lại càng sai lầm.

Vậy xin trình bày thiển ý để các bạn yêu quốc văn rõ và xét kỹ.

Nói về thể văn tập Kiều, tôi nhận thấy không có phép dùng hai câu lục, bát liền nhau, phải chọn mỗi câu một nơi.

Thí-dụ như bài đề sau đây, của ông Thanh Động Nguyễn xuân-Đình, tự đề sau khi làm xong quyển « Nhật Tân lược thảo » năm 1933 (5)

« Trăm năm trong cõi người ta
Biết đâu rồi nữa, chẳng là chiêm bao.
« Chiếm cha cái số hoài dao,
Ăn làm sao, nói làm sao bây giờ !
« Cùng nhau kể lể sau xưa,
« Ruột tằm đòi đoạn như tơ rối bời,
« Cùng nhau trông mặt cả cười,
« Mua vui cũng được một vài trống canh. »

Xem bài trên, mỗi nơi một câu lục, một câu bát, không bao giờ cả hai câu lục bát liền nhau như bài tập Kiều của ông Văn Hạc chép, lẻ-tiện có 4 câu mà đã 2 câu lục bát.

« Hoa tàn mà lại thêm tươi,
« Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa (6)

Lại, nếu là bài văn đề ảnh, thì trong bốn câu tất phải nói phớt qua vào bức ảnh, mới là đúng phép.

(*Xem tiếp trang 14*)

LẠI MỘT BÀI THƠ CỦA ĐỒ CHIỂU

LÊ THỌ-XUÂN

Trong Tri-Tân số 130, ông Nề-Uy có đánh một dấu ngờ về bài thơ hoặc của Nguyễn-đình-Chiểu hoặc của Phạm-như Xương. Ông Nề Uy lại các cớ kêu ông Phan-văn-Hùm và tôi mà hỏi Ông Phan-văn-Hùm đã lên tiếng trong Tri-Tân số 135 : ông tin rằng bài thơ ấy là của Đồ-Chiểu, bằng vào lời của ông Nguyễn liên Phong và của ông Nguyễn-đình Chiêm.

Đối với van ông Nguyễn liên-Phong mà ông Hùm đem cân nhắc từng chữ thì kỹ thái quá. *Đã thọ bịnh* mà ông Phong dùng — theo tôi nghĩ — chẳng qua để chứng bài thơ kia « ăn » với sự mù lòa, nên dưới thêm *tám câu đều là thuật chuyện con mắt mình không thấy.*

Vốn người ở vùng Ba-tri, tôi thường nghe nói ông Phong có đến đây nhiều lần, có tới lui nhiều nhà để lo cho quyển « *Điếu cổ* » mà nhứt là lo cho phần « *Hạ-kim* » (!). Ông lại còn làm náo-động vùng Ba-tri vì bồn tuồng « *Thiên-đình đối án* » của ông nữa Ông tả cụ Đồ « tình-trạng nho nhã » cũng như ông Michel Ponchon đã tả « cụ Đồ là một ông già cao-lớn đẹp-đẽ, gương mặt trầm-tĩnh xanh-xao đầy vẻ cao-nhã » (1). Chắc-chắn là ông Phong có gặp cụ Nguyễn đình-Chiểu và được cụ cho nghe tận tai bài thơ « *Xe ngựa lao-xao giữa cõi trần* » mà ta đương bàn bạc.

***

Ta có thể nghi cụ Nguyễn-đình-Chiểu « cóp » bài thơ kia của cụ Phạm-như Xương chăng ?

Có mấy người, vì chỉ nghe truyền khẩu bài của ông Phan-Khôi trong « *Chương-dân thi thoại* » tỏ với tôi rằng họ ngờ cụ N. đ.-Chiểu lấy ý bài thơ ấy của cụ P. n.-Xương trong lúc ở đồng bình tại Quảng-nam.

Không ! Tôi đã đáp « không » với mấy người nầy và đem ngày giờ làm chứng : cụ N. đ.-Chiểu ngụ nhiều ngày tại nhà ông thầy thuốc Trung ở Quảng-nam trong năm kỷ dậu (1849), cái năm cụ P. n.-Xương mới sáu tuổi đầu. (Ông Hoàng-giáp nầy, sanh năm giáp-thìn (1844), đứng thứ 22 trong 31 người cử nhơn tại trường Thừa-thiên khoa mậu-thìn (ân-khoa) tức năm Tự-đức 21 (1868), được đỗ nhị-giáp tấn-sĩ năm Tự-đức 28 là nhờ đặc sắc gia ân cho thứ trúng cách cử-nhơn (đỗ mà kém phần thêm) nhập Đình-thí vì số cử-nhơn trúng-cách ít quá, dẫu rằng tháng mười năm trước (Tự-đức 27), nhà vua đã dạy chấn-chỉnh việc thi việc học sau khi Ngài than với bộ Lễ : « Ngày trước, mỗi khoa nhiều thì trên 10 tân-sĩ, ít cũng 7, 8 người ; ngày nay cứ sụt xuống mãi, có khoa chỉ 3, 4 người dỗ mà học-nghiệp lại không được như xưa. Trong khoảng Minh-mạng, hạng túc-nho yêm-bác rất nhiều như bọn Tô-Trân, Đỗ Quang (2) ; còn gần đây, hạng nông-nổi thì nhiều mà hạng yêm-bác lại ít !»

Có mấy người tin ông Vũ-ngọc Phan, tác-giả « *Thi-sĩ Trung Nam* », tập mà ở đoạn chót, (trang 88), ông viết : « Tập nầy chỉ là một tập lược-khảo, một tập nói chuyện qua về thơ của các thi sĩ ấy mà dật sự cùng thi văn đến nay chưa có sách báo nào sao lục cả », dẫu rằng ông đã rút trong các sách báo đến chín phần mười tài liệu (lời ông Nề Uy) (3). Cứ theo ông Vũ ngọc Phan thì « bài thơ trên nầy » « *Xe ngựa lao-xao giữa cõi trần* », ông Phan-Khôi đã chép « *Võng - lọng nghênh-ngang giữa cõi trần* » và tác-giả « *Thi-sĩ Trung Nam* » xét ra bài thơ trên nầy có lẽ là của ông Phạm-như-Xương làm năm 1885, lúc kinh-đô thất thủ, phân rõ ra ba kỳ, chế-độ khác nhau, nên mới có mấy chữ « *đất tam phân* ».

Tôi xin ra ngoài đề mà nhắc ông Vũ-ngọc-Phan rằng « *đất tam phân* » mà ông nói đây là theo hòa-ước 25 Août 1883, hòa-ước 27 khoản, hòa-ước ở vào khoảng « tứ nguyệt tam vương » (4) (mà ông chép ra « lục nguyệt tam vương » ở trang 17), hòa-ước thay thế bởi hòa-ước 6 Juin 1884 mà ta quen gọi là hòa-ước Patenôtre chớ không phải sau lúc kinh thành thất thủ (5), lúc vua Hàm-Nghi xuất bôn và vua Đồng-Khánh lên ngôi cửu-ngũ.

Nhắc đến đoạn sử nầy, tôi xin thuật chuyện một câu hát. Trong một năm nọ, trên một tháng trường, tôi và một người bạn khi trèo non khi lội suối đi khắp tỉnh Bình-định, ngày thường ăn ở quán, đêm thường ngủ ở chùa, để tìm dấu vết còn sót lại của chúa Nguyễn-phúc-Ánh và của nhà Tây sơn. Một bữa nọ, vào khoảng 12 giờ trưa, sau khi đi bộ ngót 15 cây số, chúng tôi vào một cái quán về làng Vân-sơn để uống tô nước trà và để trốn nắng, cái nắng ghê-gớm của tháng bảy ta. Người bạn tôi bỗng gặp một người quen làm chức việc lớn ở làng đó. Chúng tôi được mời về nhà. Chúng tôi may mắn được ông thân của đông đạo-chủ — một cố lão 84 tuổi — hỏi tôi về ông tổng-đốc Lộc, người lãnh việc chinh-phạt Mai-xuân-Thưởng đương buổi Hàm-nghi mòng-trần. Cụ là học-trò ông Nghè Trì, cụ làm Lý-trưởng trong thời loạn lạc ấy. Cụ thuật qua những việc về thời đó ; cụ nói trừ vùng kinh-đô là được yên-ổn với tàn-quân là vua Đồng-khánh, còn ngoài từ Quảng-trị trở ra, trong từ Quảng-nam trở vào đều hưởng-ứng theo đạo hịch cần vương của Tôn-thất-Thuyết. Cụ lại nói người hồi nầy đọc câu chữ hán « *hưu hưu mạc thuyết thiêm sầu* » rồi thêm tám chữ dưới thành một câu hát. Cụ nhìn ra phía trước, tôi cũng nhìn theo. Xa xa, vùng Đồ bàn phế-thành, kinh-đô của Hoàn-vương nước Chàm, hiện rõ trước mắt. Cụ bỗng cất tiếng ngâm, ngâm bằng giọng run-run và thánh-thót :

Thôi thôi chớ nói thêm rầu,
Chính giữa Đồng-khánh, hai đầu Hàm-nghi! »

Vậy « *đất tam phân* » của cụ Nguyễn-đình Chiểu ám-chỉ vào năm ất-dậu (1885) mà chỉ chung vào lúc loạn lạc như thời Tam-quốc, như thời Ngũ-qui.

Có người nói cụ dùng câu ấy để vì mình như Gia-cát-Lượng trong thời loạn, vì cụ có làm mưu-sĩ cho Quản Là ở Cần-giuộc và Lãnh binh Trương-định ở Gò-công.

Có người lại khó tánh, không bằng lòng cụ ở câu 7 « *cơm-đi nhi chi nữa, ăn rồi ngủ* » Người nầy rất bằng lòng câu « *Thôi thôi đã thế thôi thì thế* », gần giống câu 7 theo ông Phan-Khôi đã chép. Người nầy sẽ hết khó tánh nếu được nghe bài thơ xưa khen Lý-Ưng đời Đông-Hán, mở đầu bằng hai câu :

« *Phù thế công danh thực dữ miên,*
« *Lý Ưng chơn đắc thủy-trung-tiên.*

(*Xem tiếp trang 16*)

1) « *Cuộc hội kiến Nguyễn-đình-Chiểu và Michel Ponchon* » *Khuông-Việt trong « Nam-kỳ tuần báo » số đặc biệt về N.Đ. Chiểu (6 Juin 1943)*

2) *Lãnh Gia định Tuần phủ trong khoảng 1861 (Namkỳ tuần báo (26 6 43, trang 40) Coi « Hương-khoa - lục », « Hội khoa lục » và « Thực lục đệ-tứ kỳ » ;*

3) *Đây là chưa nói bao nhiêu chữ ông Phan chép sai nguyên văn bao nhiêu đặt sự ông Phan thuật sai sự thực*

4) *Ngày 16 tháng 6 năm qui-mùi (1883), vua Tự đức thăng hà, vua Hiệp - hòa nối ngôi rồi bị giết và ngày mồng 7 tháng 10 năm nầy, vua Kiến phúc lên trị vì thế là không đầy bốn tháng mà có đến ba vua : Tự đức, Hiệp hòa, Kiến phúc.*

5) *Cụ Amis Vieux Huế « số 1, năm 1942 bản dịch » Về Kinh thành thất hải*

Đã in xong

QUANG TRUNG

(1788 — 1792)

của HOA BẰNG

là một tác phẩm rất công phu mà tác-giả đã khảo cứu tài liệu ở hơn 50 loại sách, báo.

QUANG-TRUNG

Có nhiều tài-liệu về lịch-sử Quang-Trung ít ai nói đến.

QUANG-TRUNG

có nhiều bức vẽ của mấy tay danh họa.

QUANG-TRUNG

Giá : 5$00
Cước phí : 0,50

chỉ in có hạn và không gửi lĩnh hóa giao ngân. Ngài nào mua, xin gửi ngay ngân phiếu về

Ô. Nguyễn tường Phượng
95 97 Chanceaulme Hanoi

VẤN-ĐỀ ĐỌC SÁCH

(*Tiếp theo trang 7*)

Theo chỗ tôi biết, thì bốn câu tập Kiều đó như sau:

« *Vinh hoa bỗ lúc phong trần,*
« *Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.*
« *Mặt nhìn mặt càng thêm tươi*
« *Giăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa* ».

Bài văn đó hay thật, chỉ có bốn câu mà đủ được cả ý; mà đắc ý nhất là đề tặng ảnh một ông Thủ-khoa thi tân cực, chứ nếu đề vào người đỗ khoa khác cũng mất hay.

Vì câu thứ nhất: *Vinh hoa bỗ lúc phong trần* » Phong trần là lúc khổ học, vinh hoa là lúc đỗ.

Câu thứ hai: *Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười* » — mỗi người một vẻ, là những sĩ-tử nhiều điểm dỗ trên, ít điểm dỗ dưới, còn ông thủ khoa tức là mười phân vẹn mười hoàn toàn 10 điểm.

Câu thứ ba: « *Mặt nhìn mặt càng thêm tươi* » — Tức nói về hình-ảnh, càng ngắm càng đẹp.

Câu thứ tư: « *Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa* » — là văn chương khoa cử đến lúc tân cực, mà còn cố học đỗ được đến giải nguyên; cứ không như ông Văn Hạc, đã giảng trong sách *Thi thoại* của ông là khoa ất-mão (1915) tức là khoa kết cục đỗ có 16 ông cử nhân tính cả thủ khoa.

Theo sách *Quốc-triều Hương khoa lục* thì khoa ất-mão (1915) chính quan trường chỉ lấy đỗ 30 cử-nhân, 100 tú tài, nhưng vì là khoa kết cục, nên vua Triều đình lấy thêm 10 cử nhân và 30 tú-tài nữa, thế là khoa đó đỗ tất cả 40 cử-nhân và 130 tú-tài.

Vì khoa ấy lấy đỗ 40 cử-nhân, riêng tỉnh Hà-đông có tới 19 vị, nên các văn thân trong tỉnh mở tiệc mừng và chụp ảnh kỷ-niệm. Ấy là tôi tìm hỏi thì hay thế, không rõ có đúng không. Còn bài văn đó ai làm cũng không biết rõ.

Giá có hân hạnh *xem được* ở nhà ông Giải-nguyên, như ông Văn Hạc, thì xem lạc khoản, tất may ra cũng có đề.

***

Ấy cái thành kiến cố chấp của nhiều bạn yêu văn cũng như ông Văn-Hạc đó.

Xem văn, đọc sách mà không có xét nhận, cứ nô lệ bài văn quyển sách, hoặc yên chí tác-giả là một nhà thi bá đại danh mà cho là hay, hoặc khinh thị tác giả là một nhà vô danh nên tốt mà cho là dở, như vậy là thiếu óc kiểm-điểm.

Nói ngay như bài « Phú thầy Phán » của ông Tú Mỡ đăng ở báo *Nam-Phong*. Bài văn rất hay, nhưng khi ấy ông Tú Mỡ, văn danh chưa có, lại còn là một viên chức thanh-niên ở sở Tài-chính, nên nhiều người cho là của ông Tú Xương — một nhà danh nho — không cần tế nhận trong bài đó có nhiều cái mà ở thời đại ông Tú Xương không có (7).

Nhiều bạn yêu văn thường có óc câu nệ như thế, không chịu nhận xét rằng một người, xưa nay có tiếng làm văn hay, cũng có lúc làm ra dở.

Như ông thi-sĩ Tản-Đà, năm 1923, có làm ra quyển *Truyện thế gian*, trong có truyện « Thề non nước » có bài thơ lục bát đề bức tranh « Thề non nước » — bức tranh chỉ có một dãy núi, chân núi có một ngàn dâu — trong bài có hai câu:

« *Non cao những ngóng cùng trông,*
Suối tuôn giòng lệ, chờ mong tháng ngày ».

Từ năm 1923, Thi-sĩ thường tự riêng lấy làm hay, đến cuối năm 1932, chợt có người bạn nói chuyện đến tai rằng ở Hải-dương có một ông giáo ghét câu ấy và bảo bốn chữ « Suối tuôn giòng lệ » thực trái với toàn bài, nếu vậy như thế thì sao bảo là chỉ có núi mà không có nước.

Thi-sĩ nghe giật mình, nghĩ kỹ mới biết câu đó hỏng thật, sau mới chữa là « suối *khô* giòng lệ ». Từ đây những bản in sau năm 1933, mới sửa lại là:

« *Non cao những ngóng cùng trông,*
Suối khô giòng lệ, chờ mong tháng ngày »

Nghĩ một câu văn lầm ra bởi một nhà thi sĩ trứ danh, ngẫm đi đọc lại đến mười năm rồi mới biết là nhầm. Đó chẳng là một sự không ngờ vậy ?

Lại cũng có người ít làm văn, không mấy ai biết tiếng, có những bài văn rất hay. Như ông Tham Toàn làm bài thơ « Mắng bồ dín » dưới đây. (8)

Áo mũ xênh-xang đứng vệ bờ,
Ngày qua tháng lại ích gì chưa?
Trông mây chửa chút lo vì nước;
Gặp gió ra chi phất rộn cờ!
Học đã chẳng hay, cầy chẳng biết,
Hỏi còn không nói, gọi không thưa

Đồng khô, ruộng cạn mà trâng-tráo.
Cái kiếp nhà bay, kiếp giữ đưa!

So với bài thơ vịnh Bồ-dìn của vua Lê Thánh-Tôn :

Quyền trọng ra oai trấn cõi bờ,
Một lòng vì nước, há vì đưa?
Xét soi trước mặt đôi vừng ngọc,
Vùng vẫy trên tay một lá cờ.
Dẹp giống chim muông xa phải lánh,
Rẽ quân cầy quốc, gọi không thưa.
Mặc ai xô đẩy trường danh lợi,
Ơn nước đầm đìa hạt móc mưa.

Có lẽ khó mà phân hơn kém.

Lại nữa, cũng có người suốt đời chỉ làm được một bài hay, truyền tụng ở đời, còn thì sáng cả

Như ông Rouget de Lisle (9) cả đời chỉ làm được một bài « Marseillaise » không làm được bài nào đáng để ý nữa.

Cho nên, xem văn đọc sách, ta cần phải nhận xét, chớ có hàm hồ tin người hay tin sách được.

***

Ba quyển sách tôi nói trên đây, đều là những tác-phẩm đã xuất bản ba bốn năm mà chưa thấy ai phẩm bình đến những điều tôi đã trình bày ra đó (10), như vậy, đủ rõ cách đọc sách ngày nay của chúng ta kém cổ nhân ở chỗ thiếu kiểm-điểm và nhận-xét.

Trước khi chấm hết bài này, tôi xin có mấy lời thưa cùng trước-giả ba tác-phẩm tôi đã đem ra dẫn chứng.

Sở dĩ, tôi phải dẫn ra một vài thí-dụ như trên, thực không có ý gì xoi-mói chê bai, chả qua chỉ để phát biểu một vài ý kiến về sự đọc sách ngày nay. Vì thế, tôi chỉ dẫn ra những sách xuất bản lâu rồi, để tránh sự dị-nghị.

Cổ nhân có nói : « *Độc thư vi yếu yếu tri thư?* (đọc sách là cần, nhưng phải cần biết sách). Biết sách hay hay dở, lại biết trong sách chỗ nào hay, chỗ nào dở, thực là một sự tối cần.

Tôi xin lấy câu đó để kết thúc bài này, và mong được các nhà học giả trong nước giảng cho những chỗ ý kiến dị-đồng, để được rộng biết, thì thực hân-hạnh lắm.

HIỆP-SƠN TU-SĨ

---

1) Nghĩa là lễ giời, đạo người, một người đàn bà giữ được.

Câu này là câu thứ tám (câu kết) ở một bài thơ bát cú theo «Hậu Lê Tiết nghĩa lục» vịnh Bà Phan thị Thuần, không rõ tác giả là ai. Theo « Tang Thương ngẫu lục » lại chưa có hai câu 7, 8, nói là của quan huấn-đạo An nhân lên là Hà-sách-Hiền làm vịnh bà liệt phụ Đoàn Phan nhân, vợ thứ ông Ngô Phúc Du. Vậy cũng chưa rõ bài thơ này về ai

2) Tri tân số 36 25-2 42 trang 10.

3) Người điên nước Sở tên là Tiếp-Dư đi qua xe đức Khổng-tử hát, có ý khuyên ngài đi ẩn. Ngài xuống xe, muốn cùng Tiếp Dư nói chuyện, nhưng Tiếp Dư đảo bước tránh (Luận ngữ, thiên Vi-tử)

4) Ấu học Hán tự tân thư q. I

5) Đông-Á triết ngôn, của Nguyễn Du Luân trang 143.

6) Cổ văn có câu : « Bất tài minh chủ khí đa bệnh cố nhân sơ » Nghĩa : không tài, chủ bỏ, nhiều bệnh bạn xa, gần đây, có một nhà chí sĩ về già nhiều tật bệnh, thường hay ngâm :

Bất tài, xã hội khí !
Đa bệnh, đồng bào sơ !

Nghĩa : không tài, xã hội bỏ, nhiều bệnh, đồng bào xa !

7) Nhật tân lược thảo, là một tập văn giải một chương trình đại đồng cải lương, in năm 1933

8) Truyện Kiều, bản của ông Ng. văn Vĩnh in năm 1923, trang 172

Tr. K., bản của ô Bùi Kỷ Trần trọng Kim trang 237

Tr. K, bản của ô. Bùi Khánh Diễn trang 241

Tr K, bản của ô Ng Khắc Hiếu trang 210

Tr. K bản của ô Ng. Can Mộng trang 128

9 « Cuộc Phỏng Vấn các nhà Văn » của Lê Thanh, Đời mới xuất bản, trang 142

10) Annam tạp-chí số 3 1933, mục « Văn-đàn ».

11) Rouget de Lisle (1760 1836) quan võ Về cơ Công binh (officier de génie) sinh ở quận Lons le Saunier bên Pháp.

12) Mới đây, tôi có nói chuyện với một ông bạn về bài « L'ingénieuse amitié » của ông Nguyễn Phan-Long ; ông bạn tôi có cho hay rằng quen một người đã nhận thấy chỗ nhầm đó có nói chuyện với ông giáo-sư Dương Quảng Hàm Nghe đâu Dương giáo sư có đăng vào một tờ báo nhỏ nào bằng lối chữ quốc-ngữ bỏ dấu về việc nhầm ấy. Vì thế nên nhiều người không biết. Lại nghe đâu, về sau báo Phong Hoá cũng có nhắc việc đó nữa.

Muốn làm giàu mua vé số
Dong Phap
1p. 0 một vé

GIỚI THIỆU

Tri-Tân vừa nhận được :

— **Thương chi văn tập** *cuốn thứ 2 của Phạm Quỳnh do thư xã Alexandre de Rhodes xuất bản giá 5$00 Có nhiều bài lựa chọn kỹ đã viết từ năm 1918 và 1919 Sách in đẹp và sáng sủa — một cuốn sách quý đáng được mọi người hoan nghênh.*

— **Quốc gia tạp chí** *phần người lớn (I) ra ngày 25 4 1944 giá 2$50 do ông Lê ngọc Thiều làm chủ nhiệm và ông Song Bằng Bế lăng Ngoạn làm chủ bút kiêm quản lý.*

— **Lục văn Tiên** *bản dịch ra pháp văn của giáo sư Dương quảng Hàm-Alexandre de Rhodes xuất bản — bản quí giá 10$00*

— **Bóng tre xanh** *của Kỳ Tâm Đỗ Thúc (Vừa được phần thưởng Thư xã Đắc Lộ), xã hội tiểu thuyết do Thư xã Đắc lộ xuất bản — giá bán : giấy thường 1$50 Đại la 6$*

— **Mợ tú Tấn** *tiểu thuyết của Chu-Thiên do Tam Kỳ Thư xã xuất bản, sách ngót 200 trang, giá bán 2$50*

— **Chết trong cô sống** *tiểu thuyết của Lê văn Trương do Đời mới xuất bản, giầy hơn 200 trang giá bán 3$50*

— *Tâm lý và tư tưởng Nguyễn công Trứ của Nguyễn bạch Khoa — do Hàn Thuyên xuất bản giá 6$00*

— *Kinh lễ học phổ thông của Ng. hữu Ái — Hàn Thuyên xuất bản giá 3$50*

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn đọc

Tri-Tân

HỘP THƯ

6. Ng. t. Họa — Đã nhận được giáo dục tiểu thuyết N. N. L. L. cảm ơn.

Ô. . V. ùng — Biên Hòa Tiền báo đúng như thơ ngài từ Fevrier 1944 chưa trả — xin lỗi

Ô. Trần-ch- guyen — Gia định — nhận được mandat rồi cảm ơn.

Vũ văn Nhâu *— 9 Marchaise Saigon — Báo ngài hết hạn từ 31 5-1944*

Ô. Trịnh Quang — Saigon — Nhận được mandat của Ngài rồi Cảm ơn.

Các bạn đón coi

AN TU

của Nguyễn huy Tưởng

và các bạn sẽ không thẹn về lịch sử, về lịch sử tiểu thuyết và về tiểu thuyết nước nhà.

Thơ của Đồ Chiểu

(Tiếp theo trang 13)

Trở lại vấn-đề bài thơ nầy phải chăng của cụ Nguyễn-đình-Chiểu ?

Ông Nề-Uý bảo chẳng qua cũng bởi nghe truyền miệng. Ông Phan-văn-Hùm bảo phần nhiều thức-giả ở Nam-kỳ truyền khẩu, rồi ông dựng thêm hai chứng-cớ : một trong quyển « *Điếu cổ hạ kim* » của ông Nguyễn-Liên-Phong, người có gặp cụ đồ, một trong tập sao-lục của ông Nguyễn-đình-Chiêm, con cụ Đồ. Ông còn bảo bao giờ hai cái chứng cớ đó bị lật đổ thành, chứng cớ giả vì có chứng-cớ nào chắc-chắn hơn thì ông sẽ cúi đầu bái thiện-ngôn mà nín lặng như cỏ lần ông đã nín lặng trước bài thơ mà ông cho là của cụ Thủ khoa Bùi-hữu-Nghĩa mượn ông Ưng-Dư đã chỉ cho là của cụ Bố-chánh Trà-quí-Bình (6).

Đây, tôi không đánh đổ hai chứng-cớ của ông, mà trái lại, tôi thêm một chứng-cớ khác để làm tăng « cái vạc ba chơn » cho bài thơ ấy.

Ai còn không rõ tại đất Trung-nguyên, trong thời Tân Đường, hết loạn Hoàng-Sào, đến loạn Châu-Ôn, rồi đến loạn Thạch-kính-Đường hết kẻ nầy xưng vương thì người kia xưng đế, nhơn-dân đồ-đen-bái, gần một trăm năm.

Còn nữa)

LÊ THỌ-XUÂN

6) Cụ Trà-quí-Bình là người Kỳ-son (Tân an), chỗ chôn nhau cắt rún của cụ Kỳ xuyên Nguyễn Thông người đã cùng cụ Phan thanh-Giản, gây dựng cho Namkỳ một nho phong thuần túy bồi bổ cho Nam-kỳ một khổng-học vững vàng Văn-thi của cụ Trà và cụ Nguyễn còn lưu lại rất nhiều ở vùng Bình-thuận, Tôi được biết về hai cụ là nhờ mấy tài-liệu mà bạn Ngọc Xuyên đã sưu tập được.

Đã có bán về dịp Tết :

NỬA ĐÊM

Truyện thôn-quê của Nam-Cao giá 2$00

Nam Cao là một nhà văn chuyên tả phong tục thôn quê Việt Nam, với một ngòi bút đanh thép. Nếu các bạn muốn hiểu người dân quê Việt Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn-quê Việt Nam ; nói tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đồng bào một cách chu-đáo, các bạn đều nên có cuốn **Nửa đêm** *của Nam-Cao.*

VUI XUÂN

Tức Hoa Mai số Tết của Ngô-Hòa giá 0$50

Phách bướm hồn hoa

Tức Hoa-Mai số Mùa Xuân của Thế-Hưng giá 0$30

Nhà xuất-bản Cộng-Lực N° 9 Rue Takou — Hanoi

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 80

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa kỷ mùi 1499 có 28 ông đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất-thân:

1. — **Trần-bá-Lương**, người làng Lê-xá, huyện Nghi-dương, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến Đông-các hiệu thư *Đăng khoa lục*, q 1, tờ 48 b). (*Đăng khoa bị khảo* (bản sao của Trường Bác-cổ, quyển Hải-dương, tờ 86 a) chép nhầm là Nguyễn-bá-Lương. Năm giáp tí 1504 phụng mệnh đi sứ. *Khâm-định Việt-sử* (q. 25, tờ 17 a-b) chép « mấy tháng trước vua Lê Túc-tông lên ngôi, sai Lại-bộ tả-thị-lang là Đặng Tán, Hàn-lâm-viện kiểm thảo là Khuất-quỳnh-Cửu, Hộ-khoa cấp-sự-trung là Lưu-quang-Phụ sang Tàu về việc tuế-cống. Binh bộ hữu-thị lang là Nguyễn-Lân và Giám sát ngự-sử là Nguyễn-kính-Nghiêm, sang cáo tang vua Lê Hiến-tông (1497-1504). Lễ bộ hữu-thị-lang là Nguyễn-bảo-Khuê Đông-các hiệu-thư là Trần-bá-Lương, hiệu lý là Vũ-Châu sang xin phong, chưa kịp qua cửa ải, đến tháng 12, năm Thái-trinh 1504 đổi biểu văn sai bọn Nguyễn-văn-Khuê đi ».

2 — **Đinh Thuận**, người làng An-dương, huyện Tây-lan (Tây-quan), phủ Đoan-hùng, tỉnh Sơn-tây. Năm đinh-mão 1507, đang làm hiệu-thảo, sung chức phó-sứ sang nhà Minh mừng vua Tàu lên ngôi. Làm quan đến thượng-thư, tước Bình-lễ-bá. Sinh ra Đinh-Soạn đỗ nhị-giáp khoa 1538 (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 48 b, *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn tây, tờ 80 b)

3. — **Lê Ý**, người làng Thần-đầu, huyện Kỳ-hoa, tỉnh Nghệ-an. Năm 46 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa 1499. Làm quan đến chức thị chế, coi việc viện Hàn-lâm, kiêm đề lĩnh bốn thành, tước Bảng-quận-công. Sau mất, được phong phúc-thần. Là em Lê-quảng-Chí, đỗ thám hoa năm 1478 anh em cùng đỗ đại-khoa, sĩ hoạn cùng triều (*Đăng khoa lục*. q. 1, tờ 48 b *Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ an, tờ 51 a).

4. — **Nguyễn-Tứ**, người làng Bình-hồ, huyện Đông-an, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 49 a). *Đăng khoa bị khảo* (q. Sơn-nam, tờ 62 a) chép « có chỗ nói ông làm đến thượng-thư ».

5. — **Khuất-quỳnh-Cửu**, người làng Lôi-trạch, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây. Năm 26 tuổi đỗ tam giáp khoa 1499 (*Đăng khoa bị khảo*, q Sơn-tây tờ 39 b, chép năm 24 tuổi). Mùa đông năm giáp tí 1504, đang làm kiểm thảo, sung chức phó-sứ sang nhà Minh tuế-cống (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 49 a, chép hai lần phụng mệnh đi sứ) Làm quan đến Lễ bộ thượng-thư, tước Thuần-khê bá Sau theo Mạc, được phong tước hầu

6. — **Nguyễn-xuân-Nham**, người làng Hạ an-quyết, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây, Làm quan đến thừa-chánh-sứ. Là chắn gọi Nguyễn-như-Uyên bằng chú Uyên đỗ nhị giáp khoa 1469, (*Đăng khoa lục*, q 1, tờ 49 a; *Đăng khoa bị khảo*, q Sơn tây, tờ 4 b).

7 — **Đặng-tảo-Giám** người làng Phượng-tường, huyện Tiên-lữ, phủ Khoái-châu, trấn Sơn nam. Năm 36 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa 1499 Làm quan đến tự-khanh (*Đăng khoa lục*, q 1, tờ 49 a; *Đăng khoa bị khảo*, q Sơn-nam tờ 68 b).

8. — **Lê-tán-Tuyện**, người làng Thượng-cốc, huyện Lôi dương, phủ Thiệu-hóa, tỉnh Thanh-hóa. Năm 23 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa 1499. Làm quan đến Hình-bộ thượng-thư, trí sĩ. Là anh Lê tán-Tương, đỗ nhị giáp khoa 1499, hai anh em cùng khoa, cùng làm quan đến thượng thư. Là ông bộ Lê trạng-Tú, đỗ chế khoa nhất giáp đệ nhất danh khoa 1577 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Thanh-hóa, tờ 20 a).

9. — **Trần-nghĩa-Lộ**, người làng Bái-bà, huyện Thuần lộc (Thuần-lộc, Vĩnh lộc), phủ Hà-trung, tỉnh Thanh-hóa. Năm 22 tuổi đỗ tam-giáp khoa 1499. Làm quan đến tự-khanh (*Đăng khoa lục*, q 1 tờ 49 a! *Đăng khoa bị khảo*, q. Thanh-hóa, tờ 37 a).

10. — **Nguyễn-hùng-Lâm**, người làng Quế-trì, huyện Quế dương, phủ Từ-sơn, trấn Kinh bắc Làm quan đến thừa tuyên-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, q Kinh bắc, tờ 12 a b).

11. — **Lê-đình-Chí**, người làng Lạc-sơn, huyện Lập-thạch, tỉnh Sơn-tây, Năm 32 tuổi đỗ đồng

(*Xem tiếp trang 20*)

VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI
(1900-1940)

Số 3

LÊ-THANH

Mà được như thế, là nhờ ở chỗ bộ-phận nào làm việc nào ở chỗ nào và trong thời gian nào, phải làm y như thế để giữ lấy hai điều-kiện cốt yếu cho toàn máy: sự thứ-tự và sự điều hoà. Thiếu hai điều-kiện sau này bộ máy sẽ ngừng ngay.

Vậy ta còn nhìn thấy Tạo-hóa sinh tồn tức là hai điều kiện ấy hãy còn.

Người là một phần tử của Tạo-hóa, cái đời sống của nó cũng phải theo cái luật thứ-tự và cái lẽ điều-hòa của Tạo-hóa. Cái luật của Tạo-hóa là sinh và tử, người cũng sinh và tử.

Nhưng người là một phần tử, có ý thức trong bộ máy huyền vi nói trên. Vì có ý thức nên *trong cái đời sống tinh-thần của nó*, có khi nó không theo cái luật thứ tự và cái lẽ điều hòa của Tạo-hóa. Nó đã làm mất cái tinh-thần khúc-triết của Tạo-hóa.

Cái trường-hợp người Đông-phương trong sự sáng-tác văn-hóa của họ, lấy thí dụ văn học Trung-hoa:

Theo *Trung-quốc văn học sử* của Vương-mộng-Tăng (1) thì « từ lúc chữ Tàu phôi thai đến đời Hoàng-đế, người Tàu mới đem văn thể chia làm ba loại:

1·) thể văn hỷ-niệm,

2·) thể văn thế bản,

2·) thể văn kinh thư,

« Lại từ đời vua Nghiêu mới phát nhận ra *vận văn*, từ nhà Hạ mới phát nguyên ra *văn lý luận* (như triết học kinh Dịch), sách Chu-lễ thì khởi thủy ra văn điển-chế, kinh Xuân-thu và sách tả-truyện thì nêu ra lối *văn kỷ tái tiền bộ*, cho mãi đến bách-gia chư-tử mới có *văn học nhà nho*. Sau khi có Khổng-tử, Hoa-văn chia ra bốn loại lớn:

1·) *Văn học về phái Đạo-gia* (Lão-tử, Liệt-tử, Trang-tử, Tuân-tử, Mạnh-tử...) (2).

2·) *Văn học về phái Pháp gia* (Quản Trọng, Thân-Bất-Hại, Thương Ưởng, Hàn Phi).

3·) *Văn học về phái Tung-hoành gia* (Quỉ cốc, Tô-Tần, Trương-Nghi, Mao-Thọ).

4·) *Văn học về phái Binh-gia* (Tôn-tử, Lã-lãm)..»

Theo như cách chia của Vương, ta nhận thấy văn Trung hoa thiếu hẳn tinh thần khúc-triết, « vì họ không theo cái bản sắc của từng văn thể mà chia ra môn loại, họ lại đi theo cái duy danh định-nghĩa (3) của nó mà chia ». Chia như vậy có cái bất lợi là văn của Tuân-tử là phái Đạo-gia (?), thì văn của Hàn-Phi phái Pháp-gia, đọc lên nghe cũng một giọng, vì cái bản sắc của nó là một. Thành ra tuy họ đã chia loại rồi, nhưng cái rừng văn-học vẫn là cái mớ rối beng, tìm thứ tự và thống-hệ không thấy đâu cả.

Đem so với Pháp-văn, thì thấy người ta chia từng thế-kỷ, phần thế-kỷ trong ấy lấy bản-sắc của văn-chương làm chuẩn đích. Thế kỷ thứ 17 có văn cổ điển, 18 có văn cách-mệnh, 19 có văn lãng-mạn, văn tả chân, vân vân... Chỗ nào, cũng thấy cái thứ tự và thống hệ, nghĩa là cái tinh thần khúc-triết vậy.

Một đặc điểm nữa là văn học Trung-hoa sau một thời vài kỷ toàn thịnh, người Trung-hoa không chịu nỗ-lực để mưu lấy cuộc tiến-hóa cho văn học nữa.

Điều ấy ta không lấy làm lạ: Từ xưa, người Tàu, đánh đông, chiếm tây, dầy rộng bờ-cõi ra hàng triệu cây số, lập nên nước đại Trung hoa như ngày nay. Nghĩ đến văn hóa cũ của họ, cái sức mạnh đã đưa họ lên đóng vai bá chủ, họ lấy làm tự mãn, tưởng cái gì của mình cũng thần thánh cả rồi.

Một ngày kia họ đã quan niệm một kiểu nhà, một mẫu quần áo, một lối xe, một cách làm ruộng,... thì dù cái kiểu nhà ấy có lụp sụp không hợp vệ sinh, mẫu quần áo ấy có lỏng thòng không tiện cho sự hoạt-động ngày nay, thì họ cũng mặc, không chịu thay đổi. Có dịp gì để cho họ so-sánh nhà của họ, quần áo của họ, cách làm ruộng của họ với nhà cửa, quần áo, cách làm ruộng của một nước khác thì vì bị cái kiêu-ngạo quốc-gia ám ảnh, họ chỉ trông thấy những cái hay — có khi là tưởng-tượng nữa — của họ.

Người ta kể rằng một hôm, người ta mời một vị quan Tàu xuống xem một cái tầu chạy bằng máy, (thời ấy tầu còn hiếm) ; sau khi giảng giải cho vị quan ấy hiểu cái tầu như thế nào, máy móc của nó thế nào, nó chạy thế nào, người ta chờ ở vị quan ấy sự sửng-sốt và những lời khen ngợi : Nhưng không. Vị quan ấy chỉ bình tĩnh nói rằng : « Cái tầu này còn bé hơn nhiều thuyền buồm của nước Trung-hoa » ! (4)

Về văn học cũng vậy, người Trung-hoa vẫn cho rằng văn-học của họ là phong phú và giá trị nhất thế giới, thành ra bao nhiêu thế kỷ, họ không nghĩ đến việc cải-cách để càng ngày càng tiến-hóa. Ngày xưa người ta than thấy « lá ngô đồng rụng », « cái nhạn về Nam », ngày nay người ta cũng than « lá ngô đồng rụng », « cái nhạn về Nam ». Và trong văn học của họ đã có một số những tiếng khuôn, những ý mẫu, nhà văn chỉ việc nhặt sẵn ở trong trí ra mà dùng. Dùng lâu nó không có nghĩa gì nữa, văn học tàu về cuối thế-kỷ trước đã thành một thứ văn học tàn tạ như một cái vườn cảnh trong ấy bao núi giả, cây uốn, cần cỗi, nhạt nhẽo...(5)

Đọc đoạn phân-tích tinh-thần hai văn hóa Đông phương và Tây phương trên, chắc bạn đọc nhận thấy rằng tôi đã nêu một vài cái nhược điểm của văn hóa Đông-phương, và như vô tình tôi đã có ý phàn-nàn về những nhược-điểm ấy. Như vậy là vì tôi nhận thấy rằng văn học của ta, chịu ảnh hưởng sâu xa của văn học tàu, cũng bị lặn lụi vì những nhược điểm ấy. Giá văn học tàu đã sớm biết thay đổi cho thích-ứng với cuộc sống còn thì, có lẽ văn học ta không phải chờ đến ngày nay mới tìm được con đường giải-thoát.

Tuy nhiên, có ý trách, là vì lấm lòng đối với quốc văn, quá triền vọng ở quốc văn, chứ thực ra, cái văn học Trung-hoa, với tất cả những nhược điểm của nó, đã là cái nền tảng của quốc văn ta rồi.

Trong mục này tôi muốn xét lại xem về đầu thế kỷ thứ XX, cái nền tảng ấy còn những gì và các nhà văn ta đã làm những gì để giữ lấy cái nền tảng ấy làm những gì để lấy những cái tinh-túy khác của văn học Trung-hoa đắp thêm vào cho nền-tảng ấy.

Nếu đồng thời tôi nói đến cả công việc thu thập những cái hay của văn học Pháp đem về cho văn ta, tôi đã nói đến công việc rất quan trọng của lớp nhà văn từ 1905 đến 1930 : công việc dịch thuật.

Ảnh hưởng của văn học Pháp — công việc dịch thuật của lớp nhà văn tiên phong

Trong chương-tiên tôi đã nói đến cái công-việc dịch thuật, việc « đem học-thuật Tây-âu, dùng tiếng nôm ta mà dạy phổ thông cho những người Nam không phải đi nhà trường cũng học được, hoặc đã đi học rồi mà học thêm » ; tôi đã nói qua về cái kết quả ấy của công-việc ấy, là đã đem những tư tưởng của Tây-phương xen dần vào tư tưởng của mình, đem những cái đặc sắc của văn-học Tây phương trộn dần vào những đặc-sắc của văn học mình. Thêm vào đấy cái ảnh hưởng tự-nhiên của người mình đã chịu trong khi từ bé đến lớn, học chữ Pháp, học tư-tưởng và quan niệm theo người Pháp.

Một điều nhận xét là cái ảnh-hưởng kia càng mạnh bao nhiêu thì cái ảnh hưởng của văn-học Trung hoa nhạt đi bấy nhiêu.

(Còn nữa)

LÊ THANH

---

1) Ở Đông châu có dịch, tập này đã đăng Nam phong từ số 56.

2) H. B. chua. — Vương Mộng. Tăng liệt Tuấn Mạnh vào phái Đạo gia, e không ổn, vì Tuấn, Mạnh đáng phải đặt vào phái Nho gia mới đúng.

3) Définition nominale

4) Kể trong cuốn La civilisation chinoise moderne *của Legende, tr. 181.*

5) Phải chờ đến 1915 mới thấy một nhà văn tàu : Hồ Thi h cổ độ g sự cả h-mệnh cho văn chương.

Sách mới

TRUYỆN DỊ THƯỜNG
(Histoires extraordinaires)
của Edgar Poë
Bản dịch của Mộng Huyền
Giá 4$50

TÌM NGHĨA VĂN HỌC
của NG. HƯNG PHẤN
Giá 2$20

TRIẾT HỌC ARISTOTE
của NG. ANH NGHĨA
Giá 3$80

LY TAO
của KHUẤT NGUYÊN
Giá 6$00
Bản dịch của Nhượng Tống
Sắp có bán

Chính Trị Đại Cương
của NG. PHƯƠNG NAM
NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lamblot — Hanoi

NHỮNG ÔNG NGHÈ...

(Tiếp theo trang 17)

tiến-sĩ Khoa 1499. Hai lần đi sứ (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 49 a). «Năm đinh-mão 1507 hiệu Đoan-Khánh, làm Hộ-bộ đô-cấp-sự-trung, sung chức phó sứ sang nhà Minh tạ về việc tế-đế vua Lê Hiến-tông (1497 1504). Năm canh-ngọ 1510 thăng Bộ bộ tả-thị-lang. Mùa đông năm 1511, Trần Tuân làm loạn, nhân dân ở thành Thăng long trốn cả. Vua Lê-Tương dực sai ông và đài-quan cùng khoa đi khám xét và ngăn-cấm nhân-dân không cho trốn: ông lại cùng bọn Nguyễn-tông Thốc năm người, đưa gia-quyến trốn về nhà trước! Vua giận lắm, bắt tội chết» (dịch ở *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây tờ 58 a b).

12. — **Bùi trạch-Lân**, người làng Cao kinh, huyện Thủy đường, tỉnh Hải dương. Làm quan đến tham-chính (*Đăng khoa lục*, q.1, tờ 49 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải dương, tờ 63 b 64 a).

13. — **Nguyễn-văn-Phạm**, người làng Tiên-tảo, huyện Bình-hà (Thanh hà), phủ Nam sách, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến Hàn-lâm-viện hiệu-thảo (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 49 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 72 a; chép làm quan đến Hàn lâm-viện thừa-chỉ).

14. — **Phạm-duy-Viên**, người làng Ngọc-cụ, huyện Đường an, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến lục-sự (*Đăng khoa lục*, q 1, tờ 49 b! *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 14 a).

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(*Tiếp theo trang 9*)

lập quốc, mà Mã-Viện sang Giao-chỉ vào năm 42 sau T.-C. Thế thì làm gì đã có nước Lâm-ấp mà đi đánh? Cũng có người nói: Đoạn ấy sách chép «Lâm-ấp man» nghĩa là «rợ Lâm ấp» chứ có chép rõ nước Lâm-ấp đâu? Nhưng ở dưới có câu: «Lại-từ phía nam đi 400 dặm nữa đến nước Lâm-ấp» chép rõ ba chữ «Lâm-ấp quốc». Vậy thì xuyên-tạc biết là chừng nào!

Nhưng ta hãy tạm gác những việc bằng-cứ vào sách nghìn năm về trước. Ta hãy thử xét từ sáu bảy trăm năm nay trở lại xem sao?» Sử ta chép rằng: «vào khoảng tháng 4 năm nhâm-thân (1272) tức là năm thứ 15 hiệu Thiệu-long đời Trần Thánh-tông, nhà Nguyên sai Ngột-Lương sang hỏi cõi cũ đồng-trụ. Vua Trần sai Lê-kính-Phu đi hội khám. Kính-Phu nói: «Cái chỗ Mã-Viện lập đồng-trụ, vì đã lâu năm, lạc mất, không rõ chỗ nào». Sau việc ấy bỏ». (*Khâm-định Việt-sử*, chính biên, q. 7 tờ 14 b).

Đến năm Ất-dậu (1345) là năm thứ 5 hiệu Thiệu Phong đời Trần-Dụ-tông, nhà Nguyên sai Vương-sĩ-Hành sang hỏi cõi cũ đồng-trụ, vua Trần sai Phạm-Sư-Mạnh sang Tàu để biện luận». *Khâm-định Việt sử*, chính biên (q 9 tờ 46 a).

Từ bấy giờ trở về sau không thấy Sử chép gì nữa, thế là gần sáu trăm năm nay, người Tàu chắc cũng có hồi muốn xâm-lấn cõi ta, như hồi cuối Trần, người Minh đã nghiêm-nhiên làm chủ trong mười bốn năm (1414-1428), thế mà cũng không tìm ra di-tích đồng-trụ.

Việt sử khảo-lược có câu rằng: Xét về thuyết đồng-trụ, các Sử Tàu cho là một chuyện hay (mỹ-đàm) nên sau theo trước, nối nhau phụ bội thêm ra, mà đều không biết đích ở chỗ nào. Duy *Thủy-kinh-chú* cho là đã xuống bể...»

Cứ thực ra thì phải lấy hết sách chữ nho chia ra từng loại, nếu chưa thể đi đào được, thì phải đi tìm-tòi những lời tục truyền ở các vùng có tên đồng-trụ, còn chỉ theo sách mà bàn, thì chưa tài nào «chiếu thêm được ánh sáng».

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Bìa số này do ông bạn chúng tôi là **Họa sĩ Trịnh hữu Ngọc** tốt nghiệp trường Mỹ thuật Đông dương vẽ giúp.

Xin thành thật cảm ơn ông.

Tri Tân

Sách mới

TRUYỆN DỊ THƯỜNG
(*Histoires extraordinaires*)
của Edgar Poë
Bản dịch của Mộng Huyền
Giá 4$50

TÌM NGHĨA VĂN HỌC
của NG. HỮNG PHẤN
Giá 2$20

TRIẾT HỌC ARISTOTE
của NG. ANH NGHĨA
Giá 3$80

LÝ TAO
của KHUẤT NGUYÊN
Giá 6$00
Bản dịch của Nhượng Tống
Sắp có bán

Chính Trị Đại Cương
của NG. PHƯƠNG NAM
NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
23, Lamblot — Hanoi

NAM DÀN BAT CHÂU THI THẢO

Tác-giả TÙNG-VÂN *đạo-nhận*

Vịnh một giai đoạn « **Phủ đường xử án Thúy-Kiều** »

(Phê Kiều 22)

Nào nghiêm-huấn, ái tình, nào tài, nào sắc ;
An Thúy Kiều, cũng rắc-rối ghê mà !
Trên mặt sắt, dưới sân hoa ;
Mẫu-đơn thử phép, mộc-giả thử thơ.
Câu tình lẽ, cân-đo bề nội-ngoại ;
Đạo dâu con, phân-giải nghĩa gia-đình.
Nếu gặp lại-già Chung-khanh,
Đã ba trăm lạng đình-ninh việc này.

LVIII

Phú-đắc « **Long lanh đáy nước in trời, thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng** »

(Phê Kiều 23)

Người nhớ cảnh, giang-hồ quan-tái,
Cảnh ghẹo người, mây, núi, nước, trời.
Thủy-thiên một tấm gương coi,
Lên kinh bích-ngọc, vào đời hoàng-kim.
Sân Tích-huyện, lá ngô xem mới dụng ;
Nóc Lâm-thành vầng-quế tưởng còn in.
Quan san còn cách dặm nghìn.
Gặp thu ai hãng tạm nhìn cảnh thu.

Chú-thích

Thủy thiên = Cổ-văn : « Thu-thủy cộng trường-thiên nhất sắc. »

Lên kinh bích-ngọc = « Thập nhị bích thành », nói cảnh Ngọc-kinh chỗ tiên ở. Đám mây về mùa thu thường có khi phẳng như bức thành, người ta thường trỏ là thành tiên xây.

Vào đời hoàng-kim = Tống thi : « Nhật sạ vân-hà kim thế giới. »

(Câu đề mục này là tả cảnh thu, tức là thời-kỳ Thúc-sinh từ Tích-huyện lên Lâm-chi, trong khi đi đường trông thấy, trước khi có sự Khuyển-ưng xảy ra).

LIX

Phú đắc «**Tiếc hoa những ngậm-ngùi xuân**»

(Phê Kiều 24)

Lơi đồng cột quàng xiên, nghe càng thêm nợ ;
Hoa thấy đâu ! mà xuân nữa lại càng !
Ngàn bề quốc sắc, thiên hương !
Nhìn theo lửa thủy, đoái thương tro hồng.
Trên Tam đảo những đàm không mây lục liễu ;
Dưới cửu-tuyền còn thuyết ảo mặt phù-dung.
Ay ai thuận nẻo gió đông :
Cảnh Hoa nỏ đã bẩy trong trang đài !

Chú-thích

Lửa thủy, tro hồng = Nét hồng thủy đã trải qua kiếp tro lửa.

Đàm không, thuyết ảo = Đều là ý nửa tin nửa ngờ mà phỏng-đoán.

Mây lục liễu, mặt phù dung = Đường thi « Phù-dung như diện, liễu như mi. »

LX

Nghĩ-đề « **Hoạn-gia Quan-âm-các** » — *Bài thứ nhất*

(Phê Kiều 25)

Nam-vô Quan thế-âm bồ tát !
Khen cho ai chữ lụy đã vào không.
Sơn hồ cổ thụ thong-dong,
Nước dương đã tưới, lửa lòng đã tan.
Số phượng cách, đã giải oan luân kiếp.
Hàm sư thiêng, đã nhường phép Phật-bà.
Ba nghìn thế giới vườn hoa,
Chàng áo xanh, khéo đâu mà đến đây !.

Chú-thích

Luân kiếp = Phật gia có thuyết « luân hồi » nghĩa là sự nhân quả trong ba kiếp là « kiếp trước, kiếp hiện-tại, kiếp sau », đều có quan-hệ với nhau.

Ba nghìn thế-giới = Nhạc-phủ, thơ Tuiên-thai : « Lâng lâng dũ sạch ba nghìn », ý nói xa cách cõi trần.

T. V.

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHẤY CHÚNG CHƯƠNG VÕ

Số 23

CHU-THIÊN

Rồi người ấy cầm kiếm tự đâm cổ máu vọt ra, mắt trợn lên, ngã vật xuống đất đôi mắt vẫn mở thao láo chừng-chừng nhìn hai chàng. Hai chàng không kịp cứu chữa, đều kinh ngạc lặng lẽ đứng nhìn một lúc, rồi mới công khiêng tử thi nằm ngay-ngắn lại. Hai chàng loay hoay nhổ cỏ đào đất, tìm cách chôn vùi sác chết, thì Kim Vân công-chúa với một đoàn kỵ-sĩ tiến-ra Trông thấy cảnh tượng ấy, ngạc nhiên, nàng xuống ngựa hỏi duyên cớ. Đ ềm-nhiên như không, Đoàn Văn đáp :

— Kẻ này cậy thế h'ếp người, bắt được quả tang, tôi giết !

Kim Vân sợ bãi nhi i Đ ản Công-tử chép miệng đủng đỉnh nói :

— Tội nghiệp thằng này, mới sung vào đội quân binh xây thành. Thế mà nó dã ra làm bậy, nó làm gì ?

— Nó đuổi bắt mấy người đàn bà !

— Thế thì thôi ! Nó vừa mới được nghỉ hôm nay. Ra nó đến đây chỉ chú ý vậy. Thôi các anh đề quân lính vùi sâu chôn chặt cho nó tử tế, Dù sao cũng một kiếp người !

Chôn lấp kẻ bất hạnh xong, cả đoàn người đều đứng tần - ngần đợi lệnh, âm thầm vừa sợ-sệt. Công-tử Thịnh-Nguyên lỏ Đoàn công-tử :

— Ta đi hay về !

— Về thôi ! Xuất hành bất lợi rồi ! Còn đi làm gì ! Kim-Vân công chúa cũng tiếp :

— Vâng, về là phải...

Mọi người đều răm rắp, lặng lẽ ra về.

V

Từ Đấy, Đoàn công - tử càng thêm băn - khoăn lo - nghĩ., Tuy ngoài mặt vẫn giữ vẻ vui cười, bàn bạc với Kim-Vân công-chúa và có khi cả với đức vua Chương-Võ về mưu kế khởi sự và cách thức dùng binh, để sửa-soạn đại tiến rửa thù, nhưng bên trong tự đáy lòng chàng đương bối - rối quyết định một việc gì to - tát, nên chàng kín đáo và hoài nghi lắm. Thoáng thấy bóng người lạ, chàng dã sợ sệt tưởng chừng như mà quỷ đến ám hại mình, chàng cố giữ vẻ mặt vui tươi mà lảng xa dần. Chàng khéo dấu diếm cái tâm trạng ấy-náy đó không một ai biết cả. Có biết chăng họa là công-tử Thịnh-Nguyên. Chàng cũng ít ra ngoài đi chơi nữa. Bằng đi mười hôm, chàng mới lại cùng công-tử Thịnh-Nguyên và Kim-Vân công-chúa thẳng lên rừng Bảng xem quy mô xây dựng của cung phủ nhà Lý. Vừa ra khỏi ngoài thành, một tên ăn-mày rách rưới lam-lũ bẩn thỉu đến ghé - tởm chạy ra cản đường kêu xin. Kim-Vân cho tiền rồi, nó còn cố cản hai chàng lại kêu van thảm thiết :

— Trăm lậy công - tử con đói rách không có mảnh áo che thân, xin công-tử rủ lòng thương cho con một chiếc áo manh quần.

Đoàn công tử cười :

— Ồ thằng này điên ! Ai có áo mà cho mày !

Nhưng công - tử Thịnh - Nguyên ngạc nhiên khi nhìn thấy đôi mắt sáng ngời của tên ăn mày. Chàng cho ngựa đi sát bên Đoàn-Văn và ghé tai bảo thầm mấy tiếng, Đoàn-Văn cũng ngạc nhiên theo, chừng chừng thẳng vào cặp mắt kẻ ăn mày. Tên này cũng đương mắt sáng ngời nhìn lại chàng chằm-chặp và vẫn Kêu van thảm-thiết ! Chàng vội giữ vẻ bình-tĩnh gắt :

— Ơ kìa cái thằng này dai như đỉa đói ấy. Ừ thì đi đi. Mai, xem có cái gì tao cho !

Tên ăn mày vái chào đứng lu ra bên đường để nhường lối cho ngựa đi. Đoàn công-tử chép miệng thốt ra ;

— Quân quái quắt thật !

Kim-Vân công - chúa thở - dài nói tiếp :

— Em thấy người ta nghèo khổ, em cứ thương thương là. Chỉ vì chinh chiến mà sinh linh lầm than như vậy. Em dã bàn với thầy em lập nhà để nuôi họ.

Đoàn-Văn khen :

— Em hay thương người quá!

Rồi cả đoàn lại vui vẻ đi.

Hôm sau y hẹn, Đoàn công-tử sách một bọc vải ra ngoài thành đến một quãng vắng đã thấy tên ăn mày ngồi đợi ở đấy. Chàng đưa bọc, hắn đỡ lấy lặng lẽ. Im lặng, hai người chưa ai nói thêm câu gì nữa. Băn khoăn một lúc, chàng hỏi:

— Anh trá hình đến đây, chủ đích muốn gì?

— Bẩm muốn gặp công-tử.

— Được, ta biết rồi. Không cần phải nói gì nữa. Anh về đi. Mai ngày kia bảo cả Nghĩa-sĩ Vân-Côi lại đây, ta bảo. Các anh chỉ biết ở xa nghĩ lảo thôi.

— Nhưng...

Đoàn Văn gắt:

— Chẳng nhưng sao cả! Mang quần áo cút đi mà xin nơi khác...

Tên ăn mày ra vẻ giận dữ nhìn ra thấy một vị quan tiến lại chào Đoàn công-tử bẩm mời lui thủi đi...

Sau đấy ít lâu, một hôm, tối đã lâu, Đoàn Văn và Tuynh-Ngu ên đi chơi mất về, cho các lính hầu đi ngủ cả rồi, hai chàng còn ngồi lại nói chuyện chưa đi nằm vội. Giời đã sang quá mùa thu, mát mẻ, dễ chịu, Đêm không giăng nhưng nhiều sao, sáng mờ-mờ Bốn bề lặng-lẽ, Đâu đấy tĩnh như đã yên ngủ cả. Hai chàng vẫn còn ngồi ra chiều đăm đăm suy-nghĩ dữ lắm. Họ thức khuya như thế là thường. Không bề ai để ý đến. Bỗng ở ngoài tiến vào hai người lính cúi chào. Đoàn Văn không nói hỏi ngay:

— Các anh đóng kỹ cửa lầu rồi chứ!

— Bẩm đã!

— Không còn ai thức!

— Bẩm không!

Đổi giọng chàng đứng giậy nói:

— Mời Nghĩa-sĩ và công-tử ngồi. Tôi muốn tối hôm nay phải làm xong việc. Rồi hai người sẽ rõ lòng tôi. Bây giờ bắt tất nói nhiều!

Công tử Tuynh Nguyên cũng nói.

— Và anh em chúng tôi càng thêm phục chí khí tâm địa hai Nghĩa-sĩ.

Hai người lính kia đều nhớ-mình tạ lại. Hai người lính ấy tức là Nghĩa-sĩ Vân-Côi và Công tử Hòa Đao vậy.

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

do Quảng-Vạn-Thành phát hành sắp in xong

ĐỜI DOÀN-THỂ

của Hải-Tùng, — « Tam-Hữu » xuất bản

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Sách dày ngót 150 trang giấy ta, có 17 mục: 1· Tư-đức và Công-đức — 2 Cá-nhân và Xã-hội — 3· Xã-hội và các loại xã-hội — 4 Xã hội muốn cứng vững và tiến bộ cần những điều kiện gì — 5· Quan-niệm về xã-hội của nước ta — 6· Vì đâu quan-niệm về xã hội của người Việt-Nam không được chính sác? — 7· Quan-niệm về xã-hội không được chính-sác gây ra những tệ-hại gì? — 8· Người Việt-nam ngày nay nên có quan-niệm về xã-hội như thế nào? — 9· Mấy nguyên tắc chính nên chú ý vào khi ta muốn dựng một xã-hội chắc chắn. — 10· Tinh-thần hợp tác. — 11· Tinh-thần giữ kỷ-luật. — 12 Tinh-thần chịu trách-nhiệm và giữ trách-nhiệm — 13· Tôn trọng việc công và của công. — 14· Giữ lễ — 15· Làm việc cho xã-hội. — 16· Lòng bác-ái. — 17· Dùng cơ-quan nào dựng nên công đức ở xã-hội ta. *Giá bán lẻ* **2$00**

Vị nào gửi tiền mua trước ngày 30 Juin 1944, xin trừ 20 %. cước phí không phải chịu

Cùng các vị thân chủ Thư-quán, xin chú ý rằng những sách do *Quảng-vạn Thành* phát hành đều là sách chọn lựa cẩn thận, vị nào muốn cần bao nhiêu xin kịp viết thư *thương-lượng*, không lại nhỡ như quyển *Văn liệu Từ-điển* năm ngoái, có vị biết đến thì đã hết rồi.

Cùng các nhà văn — « Tam-Hữu » bản cục chúng tôi, muốn công-hiến quốc-dân những sách có giá-trị, vậy trong hai tộ quốc-tân-tử, vị nào có tác-phẩm gì — hoặc sáng tác, hoặc phiên-dịch, nhất về phổ-thông học-thức — xin cho biết, chúng tôi sẽ tìm đến, trân trọng cầu xin, lẽ tất nhiên không dám để phụ lòng những bậc văn-hào hạ cố tin yêu tới.

Mọi việc giao-dịch, xin do: **Quảng-Vạn-Thành**

16 phố Lê-Lợi Hanoi — 51 phố Doumer Haiphong

Thư-xã Alexandre de Rhodes

ĐÃ XUẤT BẢN

BÓNG TRE XANH

của Kỳ-Tâm ĐỖ-THỤC VỊNH

Một cuốn tiểu-thuyết tả đời sống ở thôn-quê, đã được giải-thưởng GIA-LONG của hội ALEXANDRE de RHODES năm 1943.

Lời phê của Cụ Thượng Phạm: « Cuốn này dàn-xếp rất khéo, lời văn giản-dị, tự-nhiên, đọc lên thấy lý-thú và cảm-động... »

Sách dày 180 khổ 12 × 19
Bản thường.. 1$50
Bản giấy Đại La... 6$00
cước... 0$47

Tổng phát-hành
MAI-LĨNH
21, rue des Pipes Hanoi

Sắp có bán

CỰC ĐÔNG

cổ sử

của Nguyễn đức Quỳnh

Nghiên cứu về lịch sử địa dư, kinh tế, chính trị của Trung quốc và AN ĐỘ

Đã có bán

NGUYỄN CÔNG TRỨ

của *NGUYỄN BÁCH KHOA*

dày 400 Trang giá 6$00

Mua một cuốn gửi thêm 0$80 cước

Không bán lẻ hóa giao ngân

HÀN THUYÊN *71 Tiên Tsin — Hanoi*

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC SỬ LƯỢC

của **PHAN KHOẠNG**

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quí của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại:

Loại thường bán 6$00 cước 0$47
Loại đặc-biệt 15$00 cước 0$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho:
Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

QUỐC HỌC THƯ XÃ

Mới phát hành

VIỆT HOA THỐNG SỬ

Giá 5$00

Sắp phát hành

Lược-luận về **PHỤ-NỮ VIỆT-NAM**
Luận-lý **DU-THUYẾT YẾU THUẬT**
LỊCH-SỬ BÁO-CHÍ hoàn cầu
NGHỆ-THUẬT và **DANH-GIÁO**

mua sách, đặt sách, xin viết cho
M. LÊ VĂN HOÈ
16 bis Tientsin Hanoi

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur gérant: Nguyễn Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi